

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐÀO THỊ TUYẾT MAI

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH
THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2014 TỪ
THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. DƯƠNG ĐỨC CHÍNH

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi; các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Tác giả luận văn

ĐÀO THỊ TUYẾT MAI

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ	Ghi chú
1	DN	Doanh nghiệp	
2	TW	Trung ương	
3	CP	Chính phủ	
4	Công ty TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn	
5	Công ty CP	Công ty Cổ phần	
6	DNTN	Doanh nghiệp tư nhân	
7	UBND	Ủy ban nhân dân	
8	Luật Doanh nghiệp năm 2004	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/01/04/2011/2014	
9	Nghị định số 78	Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp	

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH.....	6
1.1. Khái quát chung về đăng ký kinh doanh.....	6
1.2. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	12
Chương 2 THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY	18
2.1. Tổng quan về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội	18
2.2. Thực trạng pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay	20
2.3. Thực trạng thực thi pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở thành phố Hà Nội hiện nay.....	58
Chương 3 PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH	67
3.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở thành phố Hà Nội	67
3.2. Giải pháp hoàn thiện về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh.....	68
KẾT LUẬN	75

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có quyền tự do kinh doanh và bình đẳng trước pháp luật. Quyền tự do kinh doanh và bình đẳng của các doanh nghiệp chỉ thực sự được bảo đảm trên cơ sở một hệ thống pháp luật hoàn thiện, mà trước hết là hệ thống pháp luật về tổ chức doanh nghiệp. Trong thời kỳ đầu của quá trình đổi mới cơ chế kinh tế, pháp luật kinh tế nói chung và pháp luật về các hình thức tổ chức kinh doanh nói riêng, được xây dựng trên nền tảng những đặc thù về chính trị, kinh tế - xã hội, có tính chất giải pháp tình thế, nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc do thực tiễn kinh doanh đặt ra. Các văn bản pháp luật về doanh nghiệp ngày càng được gia tăng nhanh chóng cả về số lượng và hình thức văn bản.

Tuy nhiên chất lượng của các văn bản này nhiều khi còn khác nhau. Với quan điểm xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, những năm gần đây Nhà nước ta rất quan tâm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp. Việc ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản pháp luật ra đời đã góp phần phát huy nội lực; đẩy mạnh công cuộc đổi mới kinh tế; bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh.

Đăng ký kinh doanh là thủ tục bắt buộc đầu tiên nhằm khai sinh ra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hay hợp tác xã. Ngày nay theo xu thế phát triển của thời đại, xu thế quốc tế hóa các hoạt động kinh doanh và nhu cầu giao dịch thương mại quốc tế đòi hỏi cần phải có một hệ thống đăng ký kinh doanh hoàn chỉnh. Nhận thức được vấn đề đó nên những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh để ngày càng kiện toàn hơn pháp luật về vấn đề này. Tìm hiểu về trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh để thấy được những thành tựu đã đạt được cũng như những bất cập, hạn chế còn tồn tại để kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề này là một việc làm cần thiết.

Vì lẽ đó, pháp luật về đăng ký kinh doanh cần phải tiếp tục hoàn thiện nhằm khắc phục bất cập, chồng chéo, mâu thuẫn của các quy định về trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh và cơ quan đăng ký kinh doanh; những bất cập về cơ chế phối hợp và bảo đảm thực hiện các quy định về trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh; cơ chế bảo đảm xử lý kịp thời các khiếu nại, tố cáo trong hoạt động đăng ký kinh doanh. Đây cũng là lý do tác giả lựa chọn đề tài “Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 từ thực tiễn thành phố Hà Nội” thực hiện trong khuôn khổ Luận văn thạc sỹ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, các quy định của pháp luật về thủ tục đăng ký kinh doanh đã thu hút không ít sự quan tâm của các nhà quản lý, các nhà khoa học. Hiện nay đã có nhiều bài viết được công bố rải rác trên các sách báo, tạp chí, yêu cầu về phương hướng, giải pháp hoàn thiện, nâng cao chất lượng quản lý trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh có hiệu quả, phù hợp với chiến lược kinh tế - xã hội, phù hợp với thời mở cửa hội nhập quốc tế, phù hợp trong điều kiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Một số công trình như: “Pháp luật về việc cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh ở Việt Nam - thực trạng và một vài kiến nghị” của TS Dương Đăng Huệ, tạp chí nhà nước và pháp luật, số 04, 1994; “Cải cách các quy định về kinh doanh: Cẩm nang dành cho các nhà hoạch định chính sách Việt Nam của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) & Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Dự án Nâng cao năng lực cạnh tranh - VNCI, báo cáo số 01, năm 2004”, “Tổng kết các phân tích, đánh giá và bình luận về Dự án Luật Doanh nghiệp năm 2014 thống nhất và Dự án Luật Đầu tư chung của Văn phòng Quốc hội, IEC & MPDF năm 2005”... và các kết quả khảo sát thực hiện pháp Luật Doanh nghiệp năm 2014 của Viện Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM)/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014.

Tuy nhiên, những bài viết đó chưa nghiên cứu một cách chuyên biệt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh mà chỉ đề cập nó như một trong những hạn chế của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các

văn bản hướng dẫn thi hành. Và đặc biệt chưa có công trình nào đi sâu khai thác tình hình áp dụng và thực hiện pháp luật về trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh tại một địa bàn trọng điểm như thành phố Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu:

Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản pháp luật liên quan sao cho đơn giản, nhanh chóng, khoa học nhưng đảm bảo tính chặt chẽ và vẫn giữ được sự kiểm soát của các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh và thực tiễn áp dụng pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay để từ đó đề ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để thực hiện mục đích nêu trên, luận văn cần giải quyết các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh.

Thứ hai, nghiên cứu đánh giá thực trạng pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở nước ta hiện nay.

Thứ ba, nghiên cứu đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay.

Thứ tư, trên cơ sở thực tiễn tại thành phố Hà Nội, đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở nước ta trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn tập trung nghiên cứu vào đối tượng là các quan điểm về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh của Việt Nam và trình tự, thủ tục đăng ký kinh

doanh của một số nước về đăng ký kinh doanh; Thực tiễn áp dụng pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở Việt Nam nói chung và ở thành phố Hà Nội nói riêng.

- Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung vào những nội dung về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp cơ bản được sử dụng trong việc nghiên cứu, hoàn thiện luận văn: phương pháp phân tích, tổng hợp, logic, so sánh, khảo sát thực tiễn ... trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh để làm sáng tỏ những vấn đề cần nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Ý nghĩa lý luận:

Luận văn đã tổng hợp được các quan điểm, các quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2014 về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá khách quan về thực trạng pháp luật và thực trạng thực thi pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh. Kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các hoạt động học tập và nghiên cứu sau này về các chủ đề có liên quan.

- Ý nghĩa thực tiễn:

Luận văn đã đi sâu phân tích và làm rõ các ưu điểm và vấn đề còn tồn tại của những quy định trong Luật mới, từ đó đưa ra những kiến nghị để bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan nhằm hoàn thiện hơn nữa chế định trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh trong hệ thống pháp luật đăng ký kinh doanh, tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp và công tác quản lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn được kết cấu thành 03 Chương cơ bản sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở thành phố Hà Nội hiện nay.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh và thực thi pháp luật về trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về đăng ký kinh doanh

1.1.1. Khái niệm trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

Trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn không đề cập khái niệm về “trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh”. Tuy nhiên, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh có thể được xem là một dạng đặc biệt của thủ tục hành chính.

Trước tiên để hiểu trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh là gì, chúng ta cần tìm hiểu đôi nét về đăng ký kinh doanh như sau:

Trên thế giới thuật ngữ “kinh doanh” hay “thương mại” xuất hiện từ thế kỷ thứ XI cùng với sự hình thành và phát triển của các thương nhân và phường hội buôn bán. Sản xuất kinh doanh luôn luôn là nhu cầu tất yếu cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Vì vậy, nó đóng góp, một vai trò vô cùng quan trọng cho sự phát triển nền kinh tế xã hội. Cho đến nay khi nghiên cứu về khái niệm “kinh doanh” có rất nhiều cách hiểu khác nhau tùy theo từng góc độ

Về mặt từ ngữ: theo định nghĩa của từ điển tiếng Việt 1997 do Hoàng Phê chủ biên thì “Kinh doanh là tổ chức việc sản xuất, buôn bán sao cho sinh lợi [1]”. Tương tự như vậy, tại Dictionary of business term do Jack P.Friedman chủ biên năm 1987 thì “kinh doanh” được hiểu là nghề nghiệp hoặc hoạt động thương mại cầu lợi nhuận bằng việc cung cấp sản phẩm dịch vụ.

Dưới góc độ kinh tế: kinh doanh là một phạm trù gắn liền với sản xuất hàng hóa. Đó là tổng thể các hình thức, các phương thức, các biện pháp nhằm tổ chức các hoạt động kinh tế, để phản ánh mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất xã hội. Mục đích cuối cùng của hoạt động này là thu về một giá trị lớn hơn giá trị ban đầu.

Dưới góc độ pháp lý: theo Khoản 16 - Điều 4 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì “Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi”.

Từ ý tưởng kinh doanh để thực hiện hoạt động này thì chủ thể kinh doanh cần tiến hành hoạt động đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo từ điển Bách khoa Việt Nam thì “đăng ký” được hiểu theo hai nội dung:

- Một là, “đăng ký” là chính thức ghi vào văn bản của cơ quan pháp luật những thông tin cần thiết về sự kiện làm cơ sở phát sinh hoặc chấm dứt những mối quan hệ pháp lý nhất định.

- Hai là, “đăng ký” là bằng chứng công nhận bắt đầu sự tồn tại hoặc chấm dứt một sự kiện hoặc hiện tượng pháp luật [2].

Chính vì các thuật ngữ nói trên đều được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau nên khi nghiên cứu về “đăng ký kinh doanh” chúng ta cũng cần xem xét ở nhiều khía cạnh.

Tại Việt Nam, thuật ngữ đăng ký kinh doanh xuất hiện lần đầu tiên trong Luật Công ty năm 1990 và tiếp tục được sử dụng trong các văn bản pháp luật về đăng ký kinh doanh sau này. Tuy nhiên, trong các văn bản pháp luật hiện hành mới chỉ quy định đăng ký kinh doanh như là một chế định về quyền hạn và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh chứ chưa có quy định cụ thể để giải thích thuật ngữ đăng ký kinh doanh. Đăng ký kinh doanh có thể được tiếp cận nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau:

Dưới góc độ kinh tế: đăng ký kinh doanh là một hoạt động của doanh nghiệp tuy không trực tiếp tạo ra của cải vật chất nhằm thu lợi nhuận cho nhà kinh doanh nhưng đây là một trong những hoạt động đầu tiên tạo tiền đề và cơ sở cần thiết để doanh nghiệp có thể tiến hành được hoạt động kinh doanh của mình.

Dưới góc độ quản lý nhà nước: đăng ký kinh doanh được coi là biện pháp quản lý nhà nước về kinh tế. Đăng ký kinh doanh là hoạt động quản lý đầu tiên của Nhà nước đối với doanh nghiệp, nó sẽ tạo điều kiện để Nhà nước có thể thực hiện các hoạt động quản lý tiếp theo của mình khi doanh nghiệp đi

vào sản xuất. Thông qua việc đăng ký kinh doanh, cơ quan Nhà nước sẽ có các thông tin cần thiết về một doanh nghiệp, từ đó việc quản lý doanh nghiệp cũng thuận lợi, dễ dàng hơn.

Dưới phương diện chính trị: đăng ký kinh doanh được hiểu là quyền tự do dân chủ của công dân. Tuy nhiên, sự tự do này phải được hiểu là tự do trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Bất cứ một cá nhân, tổ chức nào có đủ điều kiện để kinh doanh đều có thể đăng ký với Nhà nước để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh mà không ai có quyền ngăn cấm.

Dưới góc độ pháp lý: đăng ký kinh doanh là một thủ tục pháp lý có tính chất bắt buộc đối với các doanh nghiệp tham gia mới hay tham gia lại thị trường. Với tư cách là một chế định pháp lý, đăng ký kinh doanh là tổng hợp các quy định do Nhà nước ban hành, quản lý xuất hiện trên thị trường của một chủ thể kinh doanh mới. Theo đó, chủ thể trực tiếp tiến hành hoạt động kinh doanh phải khai báo theo đúng quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nhà nước sẽ thừa nhận bằng việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là một bằng chứng pháp lý chứng minh chủ thể kinh doanh tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp, được Nhà nước công nhận và bảo hộ.

Trình tự, thủ tục được hiểu là cách thức tiến hành một công việc với nội dung, trình tự nhất định, theo quy định của Nhà nước.

Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh là tổng thể những hành vi pháp lý cần thiết phải thực hiện theo cách thức, trình tự do pháp luật xác định nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quá trình kinh doanh cũng như hoạt động quản lý kinh doanh. Có thể khái quát những nội dung cơ bản của trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh như sau:

- Số lượng các hoạt động cụ thể cần thực hiện để tiến hành hoạt động kinh doanh của các nhà kinh doanh và quản lý kinh doanh của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Trình tự, thủ tục của các hoạt động cụ thể, mối liên hệ giữa các hoạt động đó;

- Nội dung, mục đích của các hoạt động cụ thể;
- Cách thức tiến hành, thời hạn tiến hành các hoạt động cụ thể.

Có thể hiểu trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh là một chuỗi những hoạt động của cả nhà kinh doanh và cơ quan quản lý kinh doanh trước khi tổ chức thực hiện kinh doanh. Và hiểu như vậy thì trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh là hoạt động tiền đề, khâu đầu tiên và là cơ sở cho những bước tiếp theo.

1.1.2. Chế độ pháp lý về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

Thủ tục đăng ký kinh doanh là trình tự, thủ tục mà các cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh và các chủ thể đăng ký kinh doanh phải tiến hành khi đăng ký kinh doanh. Thủ tục này do pháp luật quy định chặt chẽ và áp dụng thống nhất cho tất cả các chủ thể để đảm bảo sự công bằng, minh bạch cho môi trường kinh doanh và trật tự quản lý của Nhà nước.

Thủ tục đăng ký kinh doanh được quy định về một số vấn đề sau:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh: Là tài liệu đầy đủ nhất về thông tin của chủ thể kinh doanh mà Nhà nước cần nắm giữ để theo dõi và có cơ sở để xử lý khi doanh nghiệp vi phạm pháp luật. Vì vậy, quy định về hồ sơ đăng ký kinh doanh được tất cả các nước thực hiện và coi đây là công cụ hữu hiệu nhất để quản lý các chủ thể kinh doanh từ khi thành lập cũng như khi đi vào hoạt động. Tùy thuộc vào phương thức quản lý của mỗi nước mà yêu cầu về hồ sơ đăng ký kinh doanh có thể khác nhau, nhưng cơ bản hồ sơ đăng ký kinh doanh bao gồm: đơn đăng ký kinh doanh, điều lệ của doanh nghiệp. Các tài liệu yêu cầu khác đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ... Với mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau thì hồ sơ đăng ký kinh doanh cũng khác nhau; với mục đích đảm bảo sự thuận tiện cho các chủ thể kinh doanh, quy định này có xu hướng ngày càng đơn giản hóa.

- Trình tự các bước tiến hành đăng ký kinh doanh: Là trình tự các bước mà người đăng ký kinh doanh cũng như cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh phải thực hiện để xem xét hồ sơ và giải quyết việc đăng ký kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ và

chủ động phối hợp với các cơ quan Nhà nước khác xem xét quyết định và cấp hoặc từ chối cấp đăng ký kinh doanh cho người nộp hồ sơ.

- Thời hạn đăng ký kinh doanh: Là thời hạn cơ quan có thẩm quyền phải xem xét giải quyết yêu cầu của chủ thể đăng ký kinh doanh. Hết thời hạn nếu hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh phải tiến hành cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp. Nếu từ chối cấp đăng ký kinh doanh thì cơ quan cấp đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. Để tiết kiệm thời gian cho các nhà đầu tư, pháp luật các nước đều quy định thời hạn xem xét cấp giấy phép kinh doanh rất nhanh chóng. Ở Việt Nam thời hạn đăng ký kinh doanh cho các doanh nghiệp đã được rút ngắn rất nhiều so với trước đây.

1.1.3. Mục đích, ý nghĩa của trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh là bước tiền đề, là cơ sở cho các bước tiếp theo, là thủ tục pháp lý bắt buộc chung đối với tất cả các chủ thể khi tiến hành hoạt động kinh doanh. Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng nhận với tư cách và khả năng kinh doanh cho chủ thể kinh doanh, đồng thời khẳng định tư cách pháp nhân và xác nhận địa vị pháp lý cho các chủ thể này. Do vậy, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh có ý nghĩa rất lớn đối với cả hai đối tượng Nhà nước và chủ thể kinh doanh, có ý nghĩa rất lớn về mặt quản lý và phát triển.

**** Ý nghĩa về mặt quản lý:***

Đăng ký kinh doanh là công cụ để Nhà nước quản lý nền kinh tế. Bởi trong nền kinh tế thị trường, mọi chủ thể kinh doanh đều chịu sự tác động tích cực cũng như tiêu cực của thị trường. Do sự chi phối của thị trường, do chạy theo lợi nhuận đơn thuần, tình trạng kinh doanh tự phát, bị động đối phó với muôn màu, muôn vẻ của thị trường mà nhiều chủ thể đã đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vi phạm pháp luật. Trước tình trạng đó, sự quản lý của Nhà nước nói chung và quản lý Nhà nước bằng hình thức đăng ký kinh doanh là không thể thiếu. Nhà nước quản lý các chủ thể kinh doanh thông qua đăng ký kinh doanh nhằm đảm bảo:

- Đăng ký kinh doanh giúp cơ quan nhà nước quản lý các chủ thể kinh doanh hoạt động theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hạn chế được các hoạt động kinh doanh tự phát, cạnh tranh không lành mạnh gây mất ổn định xã hội.

- Thông qua việc đăng ký kinh doanh nhà nước quản lý được số lượng, hình thức ngành nghề kinh doanh trên địa bàn. Trên cơ sở đó, Nhà nước sẽ nắm bắt được thực trạng kinh tế của địa phương, điều chỉnh cơ cấu ngành nghề, cơ cấu đầu tư kinh doanh để tìm ra biện pháp thích hợp, đồng thời giám sát chủ thể kinh doanh hoạt động theo đúng pháp luật, thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản. phát huy được vai trò của họ trong nền kinh tế quốc dân.

- Ngoài ra đăng ký kinh doanh thể hiện sự công khai hóa của các chủ thể kinh doanh trước công chúng, khẳng định được việc thành lập của họ là có thực, tránh tình trạng lừa đảo, lạm dụng gây tổn hại tới lợi ích của bên thứ ba. Khi Nhà nước giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể từ khi thành lập tới khi giải thể hoặc phá sản cũng giúp cho việc ngăn ngừa hoạt động kinh doanh trái pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích cho các chủ thể khác trong trường hợp họ phá sản hoặc giải thể. Tạo sự bình đẳng cho các chủ thể kinh doanh trong cùng một môi trường, tránh hiện tượng các chủ thể có sự cạnh tranh không lành mạnh.

** Ý nghĩa về mặt phát triển:*

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu sắc và toàn diện thủ tục đăng ký kinh doanh ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển. Chính các quy định về lĩnh vực này sẽ góp phần rất lớn tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch. Từ đó sẽ:

- Thúc đẩy nền sản xuất hàng hóa, đẩy nhanh tốc độ phát triển đất nước;
- Góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập và mức sống của người lao động, tham gia phát triển nguồn lực;
- Đẩy nhanh tiến trình hội nhập của Việt Nam với thế giới.

Các quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh có vai trò và ý nghĩa quan trọng, tác động đến hiệu quả phát triển các mục tiêu kinh tế quốc gia.

Tựu chung lại, các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh là những quy định không thể thiếu được trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia. Bởi nếu không có các quy định này thì những hoạt động kinh doanh từ khi có ý tưởng cho đến khi triển khai trên thực tế sẽ không thể thực hiện được. Do đó nhu cầu pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh cần phải được nghiên cứu, bổ xung, thay đổi phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế trong nước cũng như trên thế giới đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa như hiện nay.

1.2. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

1.2.1. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh tại Thụy Điển

Việc đăng ký kinh doanh ở Thụy Điển tập trung vào cơ quan duy nhất trong cả nước, đó là cơ quan cấp bằng sáng chế và đăng ký kinh doanh Patent and Registration Office (PRO). Trụ sở chính của cơ quan này đặt tại Stockholm, Vụ các công ty nơi tiến hành hoạt động cấp bằng đăng ký kinh doanh cho các doanh nghiệp đóng tại Sundsvall. Về mặt pháp lý, PRO hoạt động độc lập như một cơ quan thuộc Chính phủ. Từ năm 1993, Thụy Điển thực hiện cấp bằng sáng chế, phát minh kiểu dáng công nghiệp và đăng ký kinh doanh tại một đầu mối ở PRO. PRO có Vụ các công ty phụ trách đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp. Vụ này có hai phòng chức năng (phòng đăng ký công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và các hiệp hội kinh tế) và hai phòng đăng ký thay đổi cho các công ty.

Thủ tục đăng ký kinh doanh tại Thụy Điển bao gồm ba bước:

Bước 1: Đầu tiên, chủ thể đăng ký soạn thảo, ký văn bản thành lập và dự thảo ra điều lệ của công ty. Điểm đáng lưu ý ở bước này là luật pháp Thụy Điển quy định người sáng lập công ty phải là công dân Thụy Điển, nếu không là công dân nước này thì phải được sự đồng ý của Chính phủ mới được đăng ký kinh doanh. Khi soạn thảo điều lệ công ty cũng cần lưu ý pháp luật Thụy Điển quy định hết sức chặt chẽ về tên gọi của công ty trong Bộ Luật Tên thương mại. Tên gọi của công ty nhất thiết phải thể hiện được hình thức tổ

chức của công ty. Tên này không được trùng với tên các công ty đã được thành lập và đăng ký trước đó. Nếu tên được đặt bằng hai hay nhiều ngôn ngữ khác nhau thì điều đó phải được ghi rất rõ ràng trong điều khoản thành lập công ty. Luật Tên thương mại của Thụy Điển cấm các công ty sử dụng một hoặc một số tên mà Nhà nước cấm, đồng thời nêu rõ chế tài người kinh doanh nếu vi phạm sẽ phải chịu.

Bước 2: Chủ thể đăng ký gửi hồ sơ đăng ký kinh doanh đến PRO. Lưu ý là hồ sơ đăng ký kinh doanh phải được gửi tới cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn chậm nhất là 6 tháng kể từ khi có kết quả thành lập công ty. Nếu trong thời gian này mà công ty không gửi đơn đăng ký kinh doanh hoặc đơn đăng ký kinh doanh bị từ chối thì giám đốc công ty sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân và liên đới đối với việc hoàn trả lại các cổ phần đã mua và các khoản lãi kèm theo trừ đi các chi phí cần thiết khi thành lập công ty. Các phòng nghiệp vụ của PRO sẽ cử cán bộ kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty và các luật sư. Cán bộ kiểm tra xem xét hồ sơ và kiểm tra mọi chi tiết của hồ sơ, sau đó ghi vào phiếu kiểm tra. Còn luật sư phụ trách có nhiệm vụ đưa ra quyết định cuối cùng chấp nhận hay từ chối việc đăng ký của công ty. Thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khá nhanh chóng. Đối với các hồ sơ hợp lệ thì thường trong một ngày làm việc công ty đã có thể nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của mình.

Bước 3: Công bố thông tin về thành lập doanh nghiệp. Sau khi công ty được vào sổ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh của Thụy Điển sẽ thông báo trên tờ công báo của nước này. Trong trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào về các thông tin liên quan đến giám đốc, phó giám đốc, hội đồng quản trị, thanh tra viên, người được ủy quyền nhân danh công ty, việc tăng giảm vốn điều lệ ... thì phải thông báo ngay cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Khi công ty bị phá sản, giải thể thì tên công ty sẽ bị xóa trong sổ đăng ký của cơ quan đăng ký kinh doanh.

Mô hình đăng ký kinh doanh của Thụy Điển là một mô hình khá tiên tiến khi xây dựng được một cơ quan đăng ký kinh doanh duy nhất trong toàn

quốc. Đây là một mô hình mà Việt Nam cần xem xét học tập khi xây dựng chế độ pháp lý về đăng ký kinh doanh.

1.2.2. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh tại Trung Quốc

Ở Trung Quốc, việc quản lý đăng ký kinh doanh được tập trung tại một cơ quan hành chính Nhà nước, đó là Cục Quản lý hành chính công thương. Cục này có trách nhiệm quản lý đăng ký kinh doanh trong toàn quốc. Nhiệm vụ của Cục Quản lý hành chính công thương chủ yếu là đăng ký kinh doanh, ngoài ra còn đăng ký quảng cáo, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và quản lý thị trường. Cục Quản lý hành chính công thương thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ là đăng ký kinh doanh và quản lý sự hoạt động của các doanh nghiệp trên thị trường.

Giúp việc cho Cục Quản lý là Vụ Đăng ký doanh nghiệp với các phòng ban của mình như Phòng Phê chuẩn tên, Phòng Kiểm tra và Thanh tra, Phòng Đăng ký kinh doanh. Vụ Đăng ký doanh nghiệp có chức năng dự thảo hoặc tham gia dự thảo quy định về đăng ký kinh doanh, giám sát và thanh tra các hoạt động đăng ký kinh doanh đồng thời quản lý các hồ sơ liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.

Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Trung Quốc bao gồm hai bước:

Bước 1: Xin phê duyệt tên.

Đây là quy định thể hiện sự khác biệt trong pháp luật của Trung Quốc so với một số nước khác. Đầu tiên, tên gọi của công ty phải được cơ quan đăng ký kinh doanh xét duyệt trước. Sau đó Cục Quản lý hành chính công thương sẽ xem xét rồi ra “thông tri xét duyệt trước tên gọi xí nghiệp”. Chỉ tới khi có quyết định này thì doanh nghiệp mới tiếp tục tiến hành bước 2 làm thủ tục xin thành lập. Tuy nhiên cũng cần lưu ý là tên công ty đã được xét duyệt chỉ có thời hạn bảo hộ trong vòng 6 tháng. Trong thời gian này, tên gọi của công ty được xét duyệt trước không được dùng cho hoạt động kinh doanh và không được chuyển nhượng. Nếu sau thời hạn đó mà người thành lập doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục tiếp theo hoặc không tiếp tục thành lập thì tên gọi đó đương nhiên hết hiệu lực.

Bước 2: Xin thành lập và đăng ký.

Người đại diện có giấy chứng nhận ủy quyền của người thành lập doanh nghiệp sẽ tiến hành các thủ tục gửi hồ sơ xin đăng ký kinh doanh. Điều này thể hiện bằng việc trong hồ sơ đăng ký thành lập phải có giấy chứng nhận đã kiểm tra vốn do cơ quan kiểm tra vốn có thẩm quyền cấp. Với những ngành nghề mà pháp luật quy định trước khi xin đăng ký doanh nghiệp phải báo cáo để ngành có liên quan phê duyệt đồng thời phải nộp văn bản phê chuẩn cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Chỉ sau khi được cấp “giấy chứng nhận pháp nhân xí nghiệp” thì công ty mới có đủ tư cách pháp nhân để tiến hành các hoạt động chuẩn bị cho sản xuất kinh doanh như tuyên bố thành lập, khắc dấu, mở tài khoản, đăng ký nộp thuế...

Như vậy, việc đăng ký kinh doanh ở Trung Quốc vẫn phải trải qua hai bước khá phức tạp về trình tự và thủ tục. Vốn pháp định và các loại giấy phép của ngành chủ quản vẫn là hai yếu tố bắt buộc phải có trong điều kiện thành lập và đăng ký kinh doanh.

1.2.3. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh tại Singapore

Vấn đề đăng ký kinh doanh của Singapore được quy định tại Luật Đăng ký kinh doanh Singapore sửa đổi bổ sung năm 1995. Pháp luật Đăng ký kinh doanh nước này quy định:

Cơ quan đăng ký kinh doanh ở Singapore chính là những nhân viên đăng ký. Những nhân viên này thuộc biên chế của cơ quan công cộng do Bộ trưởng Bộ Tài chính trực tiếp bổ nhiệm, hoạt động theo pháp luật và chịu trách nhiệm trực tiếp trước pháp luật. Quyền hạn của nhân viên đăng ký kinh doanh rất lớn. Nhân viên đăng ký kinh doanh có quyền quyết định mọi việc về đăng ký kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép. Nhân viên đăng ký kinh doanh có các phó và trợ lý cũng là nhân viên công cộng được Bộ trưởng Bộ Tài chính trực tiếp bổ nhiệm để giúp việc. Nhân viên đăng ký hoàn toàn có thể giao phó cho một cá nhân bất kỳ toàn bộ hoặc một phần trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo các điều kiện và giới hạn mà nhân viên này cho là phù hợp với quy định của pháp luật.

Thủ tục đăng ký kinh doanh ở Singapore được thực hiện tương đối đơn giản do Singapore là một nước có nền kinh tế phát triển, ý thức tôn trọng pháp luật của người dân rất cao. Chủ thể kinh doanh hoặc người đại diện cho doanh nghiệp chỉ cần làm đơn gửi tới nhân viên đăng ký. Đơn đăng ký bao gồm các nội dung như: tên doanh nghiệp, trạng thái chung của doanh nghiệp, trụ sở chính của doanh nghiệp, số chứng minh nhân dân, quốc tịch, chủng tộc, nơi cư trú, các hoạt động kinh doanh của những người có trách nhiệm quản lý công ty. Tuy nhiên, quy định giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chỉ có giá trị pháp lý trong vòng 1 năm. Sau thời hạn đó, doanh nghiệp phải xin gia hạn.

1.2.4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ việc nghiên cứu pháp luật về đăng ký kinh doanh của một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới, ta nhận thấy trong quá trình xây dựng về đăng ký kinh doanh chúng ta cần tiếp thu những điểm hợp lý sau:

Nới lỏng các điều kiện và đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh: đây là kết quả của sự phát triển để tạo điều kiện cho thương nhân khi ra nhập thị trường.

Xây dựng một hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh tập trung, thống nhất: nhìn từ bài học Thụy Điển và Trung Quốc ta nhận thấy, việc tập trung vào một đầu mối đã giúp cho Nhà nước dễ dàng kiểm soát mọi thông tin liên quan tới doanh nghiệp từ khi đăng ký kinh doanh, quá trình hoạt động, cho tới khi giải thể hoặc phá sản. Việc quản lý hệ thống thông tin của tất cả các doanh nghiệp trong toàn quốc đã giúp cho việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thực hiện rất nhanh chóng.

Sau khi chủ thể kinh doanh đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh, cần tiếp tục chú trọng kiểm tra, giám sát: pháp luật về đăng ký kinh doanh ở một số nước trên thế giới đặc biệt chú trọng khâu kiểm tra, giám sát hoạt động của các chủ thể kinh doanh sau khi đăng ký kinh doanh. Việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ và có những chế tài nghiêm ngặt sẽ giúp cho các chủ thể nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật Nhà nước, thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản để từ đó, phát huy tốt vai trò của chủ thể trong nền kinh tế quốc dân.

Tiểu kết Chương 1

Trong cơ chế thị trường, sự tồn tại của pháp luật là một nhu cầu bắt nguồn từ chính đòi hỏi của các quan hệ kinh tế. Nền kinh tế thị trường đòi hỏi pháp luật phải đảm bảo các quy luật, nguyên tắc của thị trường. Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, pháp luật về doanh nghiệp cùng với các chế định khác của pháp luật kinh tế, là công cụ không thể thiếu để Nhà nước điều tiết nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với các nhà đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp không chỉ có vai trò đảm bảo quyền tự do và sự bình đẳng mà còn có vai trò đảm bảo sự an toàn trong đầu tư vốn của họ. Chính vì vậy, xây dựng một khung pháp lý điều chỉnh hoạt động này là yêu cầu tất yếu, nhằm đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Trên đây, Chương 1 của luận văn đã trình bày những lý thuyết cơ bản về doanh nghiệp và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, cùng với các nội dung cơ bản về pháp luật của một số quốc gia phát triển trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

2.1. Tổng quan về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ của 3 đề án: Cải cách hành chính, Nâng cao hiệu quả kinh tế, Cải thiện môi trường xã hội; gắn kết chặt chẽ việc thực hiện các đề án này với các chương trình công tác khác của thành phố Hà Nội. Trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, UBND thành phố Hà Nội cũng đã có những văn bản cụ thể hóa chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành và chính quyền địa phương các huyện, thị xã trong thành phố.

Tiếp tục đà phát triển cộng hưởng suốt thời gian qua, năm 2015, GRDP trên địa bàn Thủ đô ước tăng 9,24% (công nghiệp ước tăng 8,05%; xây dựng tăng 12,4% - cao nhất kể từ năm 2010; dịch vụ ước tăng 9,91% và nông nghiệp ước tăng 2,47%). Quy mô GRDP trên địa bàn theo giá hiện hành đạt 27,6 tỷ USD. Bình quân thu nhập đầu người khoảng 3.600 USD, tăng gấp 1,8 lần so với năm 2010 và gấp gần 6,4 lần so với năm 1990.

Tính chung giai đoạn 2011 - 2015, tổng sản phẩm trên địa bàn Thủ đô ước tăng 9,23%, gấp 1,58 lần mức tăng bình quân chung của cả nước. Tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 54%, công nghiệp - xây dựng chiếm 41,5% và nông nghiệp chiếm 4,5%. Kinh tế nhà nước khoảng 43,6%; kinh tế ngoài nhà nước 38,9%; kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 16,5%.

Đặc biệt, trong năm 2015, một loạt chỉ số như: Tổng vốn đầu tư xã hội (hơn 352 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so với năm 2014), Tổng vốn huy động (đạt 1,45 triệu tỷ đồng, tăng 21,85% so với đầu năm), Tổng dư nợ (hơn 1,21 triệu tỷ đồng, tăng 19,5% so với đầu năm) và Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ (ước tăng 11,7%) đều tăng mạnh; trong khi mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giảm 1,5-2% so với đầu năm.

Hơn nữa, các ngành dịch vụ trình độ và chất lượng cao như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thông tin, truyền thông và du lịch có mức tăng trưởng vượt trội so với mức tăng chung. TP. Hà Nội được Tạp chí Du lịch trực tuyến Trip Advisor xếp hạng điểm đến hấp dẫn thứ tư thế giới và là một trong 10 thành phố có giá phục vụ ăn uống rẻ nhất thế giới và tiếp tục gia tăng lượng khách du lịch quốc tế lưu trú trên địa bàn trong năm 2015, trong khi khách quốc tế vào Việt Nam nói chung giảm so với năm trước.

Năm 2015, Hà Nội đã ban hành Chương trình hành động số 01 của UBND TP. Hà Nội năm 2015 tập trung cải thiện môi trường đầu tư, giảm thời gian đăng ký thành lập DN từ năm ngày xuống còn ba ngày làm việc; rút ngắn thời gian thông quan; ứng dụng công nghệ thông tin theo ISO 9001 trong các cơ quan hành chính; tạo điều kiện cho DN vay vốn, hỗ trợ lãi suất, tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản; cung cấp thông tin kịp thời và dành 60 tỷ đồng cho công tác xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho DN đăng ký tham gia tiếp cận, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Chỉ số cải cách hành chính của Thành phố năm 2014 xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thành phố năm 2014 xếp thứ 23/63 tỉnh, Thành phố Hà Nội tăng bảy bậc so với năm 2013 và cao nhất trong 10 năm qua ...

Tính đến tháng 9.2015, trên địa bàn Thủ đô, có khoảng 117.000 doanh nghiệp đang hoạt động (95% là doanh nghiệp vừa và nhỏ), cung cấp việc làm cho 65% lượng lao động tại Hà Nội. Việc ứng dụng CNTT trong quản lý và quản trị hoạt động kinh doanh, sản xuất các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội đang được tăng cường. Trong năm 2015, có hơn 18 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; 10 tháng đầu năm, có hơn 14 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động. Tuy nhiên, năm 2015, xuất khẩu trên địa bàn Thủ đô ước đạt 11,348 tỷ USD, tăng 2,52% (so với kế hoạch là 8-9%).

Việc cải cách thủ tục hành chính đã từng bước tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh, các doanh nghiệp được thành lập ngày càng nhiều, vốn đầu tư ngày càng lớn, cơ cấu ngành nghề càng đa dạng, phong phú đã làm mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị

trường cao hơn trước. Quy định mở cho phép doanh nghiệp được mở rộng ngành nghề kinh doanh và được làm những gì pháp luật không cấm đã tạo ra một không khí sôi động trong việc đăng ký ngành nghề kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy còn có những biểu hiện tiêu cực của một số doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, song nhiều doanh nghiệp đã chủ động phát huy nội lực, mở rộng sản xuất, đi sâu khai thác nhiều ngành nghề kinh doanh dịch vụ mới mang lại hiệu quả kinh tế xã hội đáng khích lệ. Các doanh nghiệp thành lập ngày càng nhiều với ngành nghề kinh doanh đa dạng đã góp phần không nhỏ vào việc giải quyết việc làm cho một lượng lớn lao động xã hội trên địa bàn Thủ đô và các tỉnh lân cận.

2.2. Thực trạng pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Đăng ký doanh nghiệp

Ngày 26/11/2014, Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp năm 2014 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015). Ngày 29/5/2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 3371/TTr-BKHĐT gửi Chính phủ về việc ban hành Nghị định về đăng ký doanh nghiệp. Nghị định này sẽ thay thế Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Thông tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp thay thế Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT. Dự kiến, Thông tư nêu trên sẽ được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành ngay sau khi Nghị định về đăng ký doanh nghiệp được Chính phủ ban hành.

Để đảm bảo thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 từ ngày 01/7/2015, trong thời gian Nghị định và Thông tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp chưa có hiệu lực thi hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 4211/BKHĐT-ĐKKD ngày 26/6/2015 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư các

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất hướng dẫn áp dụng quy định về đăng ký doanh nghiệp với những nội dung cụ thể như sau:

**** Về việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:***

Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thành lập doanh nghiệp thì hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 20, 21, 22, 23 - Luật Doanh nghiệp năm 2014. Trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 27 - Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Trường hợp doanh nghiệp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thì hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 33 - Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

Trường hợp doanh nghiệp lập địa điểm kinh doanh thì doanh nghiệp gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh.

Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2.2.2. Cơ quan đăng ký kinh doanh

Tất cả các loại hình tổ chức kinh doanh như công ty nhà nước, công ty có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, các văn phòng luật sư, công ty luật hợp danh, các công ty bảo hiểm, các chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam Tất cả đều phải được đăng ký kinh doanh tại một cơ quan thống nhất, theo một thủ tục đơn giản nhất để thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 thống nhất sẽ điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp trong đó có cả công ty nhà nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ được điều chỉnh chung một luật.

Từ yêu cầu của cuộc sống đòi hỏi việc đăng ký các doanh nghiệp trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 thống nhất sẽ rất linh hoạt, tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội đầu tư một cách thuận lợi nhất, điều này đặt ra nội dung nâng cao trình độ cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Đòi hỏi phải kiện toàn về tổ chức nâng cao trình độ, trách nhiệm và phong cách phục vụ theo yêu cầu hội nhập.

Năm 1991, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã cho phép thành lập Vụ Quản lý Đăng ký kinh doanh thuộc Trọng tài Kinh tế nhà nước để “Giúp Chủ tịch Trọng tài Kinh tế nhà nước dự thảo các văn bản hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện luật lệ nhà nước và các văn bản hướng dẫn việc đăng ký kinh doanh” (thông báo số 3057-TH ngày 16/09/1991 của Hội đồng Bộ trưởng). Cũng theo thông báo này thì ở địa phương đã cho phép thành lập Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Trọng tài Kinh tế để tiến hành đăng ký kinh doanh cho các doanh nghiệp trong phạm vi cả nước. Cũng ngay từ thời gian này vấn đề tin học hoá công tác đăng ký kinh doanh đã được đặt ra. Thông tư số 07/TT- ĐKKD ngày 29/07/1991 của Trọng tài kinh tế nhà nước đã quy định: “Trọng tài kinh tế nhà nước thực hiện việc quản lý đăng ký kinh doanh bằng máy tính”.

Năm 1994, sau khi Trọng tài Kinh tế nhà nước bị giải thể thì nhiệm vụ quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh chuyển sang hệ thống cơ quan kế hoạch và đầu tư (Quyết định số 355-TTG ngày 11/7/1994 của Thủ tướng Chính phủ). Ở trung ương, Ủy ban Kế hoạch nhà nước giao nhiệm vụ này cho Vụ Kế hoạch hoá thực hiện. Ở địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ trực tiếp thực hiện việc đăng ký kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Do việc chuyển cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh từ trọng tài kinh tế nhà nước sang hệ thống kế hoạch nhà nước nên việc tổ chức hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như việc tin học hoá hệ thống này tạm thời bị quên lãng.

Cuối năm 1999, để chuẩn bị cho việc triển khai thi hành Luật Doanh nghiệp, tại thông báo số 188/TB-VPCP ngày 29/09/1999 của Văn phòng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong việc hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Phó Thủ tướng Chính phủ đã nêu rõ: “Tư tưởng chỉ đạo là hình thành hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh thống nhất trong cả nước có chức năng, nhiệm vụ và cán bộ đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ Đăng ký kinh doanh và Quản lý sau đăng ký kinh doanh”. Đồng thời, lúc đó một số bộ, ngành cũng đã nhận thức rõ hơn về sự cần thiết phải thiết lập một hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh thống nhất. Ví dụ, Bộ Tài chính, tại văn bản số 5457-TC/TCĐN ngày 29/10/1999 gửi Bộ Tư pháp, Ban Đổi mới doanh nghiệp Trung ương và Ban Nghiên cứu của Thủ Tướng Chính phủ đã đề nghị Chính phủ tổ chức đăng ký kinh doanh thành một cơ quan thống nhất từ trung ương tới địa phương. Tuy nhiên, vì nhận thức vai trò cơ quan đăng ký kinh doanh trong nền kinh tế thị trường còn có nhiều điểm khác nhau, nên tư tưởng chỉ đạo trên của Chính phủ và đề nghị của một số bộ, ngành vẫn chưa được thực hiện. Điều này được thể hiện thông qua nội dung của một số văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp năm 1999 không quy định cụ thể cơ cấu tổ chức của hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh mà chỉ quy định về thẩm quyền của cơ quan này tại Điều 116 - Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã quy

định cơ cấu tổ chức của cơ quan đăng ký kinh doanh tại Khoản 2 - Điều 163. Và hiện nay cơ cấu tổ chức của cơ quan này đã được quy định tại Khoản 2 - Điều 209 - Luật Doanh nghiệp năm 2014. Theo Khoản 1 - Điều 13 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ thì cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) và quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là cấp huyện) bao gồm:

- Ở cấp tỉnh: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi chung là Phòng Đăng ký kinh doanh).

Phòng Đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Phòng Đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác nhau trên địa bàn cấp tỉnh.

Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh có thể thành lập thêm một hoặc hai Phòng Đăng ký kinh doanh và được đánh số theo thứ tự. Việc thành lập thêm Phòng Đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ở cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Điều 15 Nghị định này (sau đây gọi chung là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện).

Chịu trách nhiệm đăng ký doanh nghiệp là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện không có chức năng đăng ký doanh nghiệp, chỉ giúp cơ quan đăng ký cấp tỉnh kiểm tra doanh nghiệp đã đăng ký. Mặc dù pháp luật đã có những quy định khá cụ thể, song trên thực tế hệ thống cơ quan đăng ký doanh nghiệp hiện hành chưa được tổ chức thành một hệ thống trong phạm vi cả nước. Trong hệ thống các cơ quan đăng ký kinh doanh ở nước ta còn chưa có một cơ quan nào chịu trách nhiệm quản lý đối với tất cả các cơ quan đăng ký kinh doanh trong phạm vi cả nước.

Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan đăng ký doanh nghiệp được quy định tại Khoản 1 - Điều 209 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 và hướng dẫn cụ thể tại Điều 14 và Điều 15 của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP theo đó nhiệm vụ, quyền

hạn, trách nhiệm của Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh được quy định như sau:

- Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục thuế địa phương, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, theo quy định tại Điểm c - Khoản 1 - Điều 2090 - Luật Doanh nghiệp.

- Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh; hướng dẫn doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

- Yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Khoản 9 - Điều 7 - Nghị định này.

- Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 - Điều 62 - Nghị định này.

- Đăng ký cho các loại hình khác theo quy định của pháp luật.

Trong số những nhiệm vụ và quyền hạn trên thì hoạt động trọng tâm của Phòng Đăng ký kinh doanh là hoạt động cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong đó, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

cho các loại hình doanh nghiệp bao gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, công ty cổ phần.

Những quy định trên của pháp luật khá cụ thể nhưng khi đi vào triển khai, thực hiện lại dẫn tới hiện trạng các cơ quan tiến hành đăng ký kinh doanh còn chưa tách bạch được thẩm quyền, chức năng đăng ký kinh doanh còn bị phân tán thiếu hợp lý ở các địa phương. Việc Điều 3 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: *“Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó”* đã khiến cho việc xác định thẩm quyền thành lập doanh nghiệp khó khăn.

Trong cùng một phạm vi tỉnh, thành phố còn nhiều cơ quan cùng thực hiện chức năng đăng ký kinh doanh như: ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao... về nguyên tắc các đạo luật khác nhau sẽ điều chỉnh các vấn đề hoàn toàn khác nhau nhưng trong một số trường hợp phạm vi điều chỉnh của các luật này lại chồng chéo, chưa tách bạch được chức năng, nhiệm vụ của mình.

Tại khoản 1 - Điều 59 - Luật Đầu tư năm 2005 có quy định: “Nhà đầu tư nước ngoài lần đầu đầu tư vào Việt Nam phải có dự án đầu tư và làm thủ tục đăng ký đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”. Như vậy, Luật Đầu tư lại điều chỉnh cả việc thành lập doanh nghiệp. Trong khi đó giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh xác lập địa vị pháp lý của một doanh nghiệp trong khi giấy chứng nhận đầu tư chỉ xác định tính hợp pháp của một hành vi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, không thể đồng nhất hai loại giấy này làm một.

Tương tự như vậy, tại Điều 65 - Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng quy định *“Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh”*. Trong khi giấy phép hoạt động không đủ quyền năng xác định tư

cách pháp nhân cho doanh nghiệp mà chỉ có giá trị bảo đảm pháp lý cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một số lĩnh vực cần phải xin cấp phép. Như vậy, chức năng đăng ký kinh doanh đã bị phân tán cho nhiều cơ quan, dẫn tới sự chồng chéo trong việc cấp phép và quản lý các chủ thể kinh doanh.

2.2.3. Các yêu cầu khi đăng ký kinh doanh

2.2.3.1. Quy định về chủ thể đăng ký kinh doanh

Có thể nói hoạt động sản xuất của các chủ thể kinh doanh giữ vị trí quan trọng và có ý nghĩa quyết định đối với sức tăng trưởng của nền kinh tế và sự tồn tại của xã hội. Tuy nhiên, không phải vì thế mà các chủ thể trong xã hội đều có quyền tự do kinh doanh. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể, Nhà nước đã đặt ra các quy định về điều kiện kinh doanh bắt buộc các chủ thể khi kinh doanh phải thực hiện.

Pháp luật thừa nhận quyền tự do kinh doanh của công dân nhưng không có nghĩa là mọi chủ thể đều được thực hiện quyền đó. Chỉ những chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo luật định mới có quyền tiến hành các hoạt động kinh doanh. Một chủ thể không có năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi thì sẽ bị pháp luật cấm kinh doanh. Ngoài ra, một số đối tượng khác mặc dù có đầy đủ năng lực hành vi nhưng do những đặc thù về nghề nghiệp hoặc chức vụ mà họ đảm nhiệm mà họ kinh doanh sẽ có thể làm phát sinh hành vi tiêu cực hoặc những sự cạnh tranh không công bằng, thiếu bình đẳng đe dọa lợi ích của các chủ thể khác thì họ cũng bị pháp luật cấm kinh doanh. Điều kiện về chủ thể đăng ký kinh doanh quy định tại Khoản 2 - Điều 18 - Luật Doanh nghiệp năm 2014. Theo đó, các tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp khi không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản. Tại Khoản 2 - Điều 94 - Luật Phá sản 2004 quy định: *“Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, giám đốc (Tổng giám đốc), chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên của doanh nghiệp, chủ nhiệm, các thành viên Ban quản trị hợp tác xã bị tuyên bố phá sản không được quyền thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, không được làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời hạn từ một tới ba năm, kể từ ngày doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản”*. Tuy nhiên, quy định trên sẽ không được áp dụng nếu doanh nghiệp hoặc hợp tác xã bị tuyên bố phá sản do có lý do bất khả kháng (Khoản 3 - Điều 94 - Luật Phá sản năm 2004).

2.2.3.2. Đăng ký tên doanh nghiệp

Luật Doanh nghiệp năm 2014 dành bốn điều, từ Điều 38 đến Điều 42 để quy định về tên doanh nghiệp.

Theo Điều 38 thì tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau:

- Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “Công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

- Tên riêng: Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Căn cứ vào các quy định về đặt tên doanh nghiệp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp.

** Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:*

Tại Điều 39 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định về những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp như sau:

Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký theo quy định.

Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

** Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:*

Tại Điều 40 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định về tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài như sau:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

** Tên chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh:*

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và các ký hiệu.

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện phải mang tên doanh nghiệp kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện.

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do chi nhánh, văn phòng đại diện phát hành.

** Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:*

Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không được đặt tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã

đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, trừ những doanh nghiệp đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản.

Các trường hợp sau đây được coi là gây nhầm lẫn với tên của các doanh nghiệp đã đăng ký:

Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký; Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;

Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;

Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký.

** Xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp:*

Không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đó. Trước khi đăng ký đặt tên doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể tham khảo các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã đăng ký và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp.

Căn cứ để xác định tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện theo các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký đổi tên.

Chủ thể quyền sở, hữu công nghiệp có quyền đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên gọi cho phù hợp. Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có nghĩa vụ cung cấp cho Phòng Đăng ký kinh doanh các tài liệu cần thiết theo quy định.

Phòng Đăng ký kinh doanh, ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp xâm phạm đổi tên doanh nghiệp khi nhận được thông báo của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp về việc quyền sở hữu công nghiệp bị xâm phạm. Kèm theo thông báo của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp phải có:

- Bản sao hợp lệ văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng tên doanh nghiệp là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý; bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp; bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp có tên xâm phạm đổi tên doanh nghiệp và tiến hành thủ tục thay đổi tên trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày ra Thông báo. Sau thời hạn trên, nếu doanh nghiệp không thay đổi tên theo yêu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo đó áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thay đổi tên doanh nghiệp hoặc buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên

doanh nghiệp nhưng tổ chức, cá nhân vi phạm không thực hiện trong thời hạn do pháp luật quy định thì cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh để yêu cầu doanh nghiệp báo cáo giải trình theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp không báo cáo, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Theo Điều 198 - Luật Sở hữu trí tuệ quy định về quyền tự bảo vệ, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình như: "...b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại; c) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; d) Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình”.

Theo Điều 199 - Luật Sở hữu trí tuệ quy định về biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ:

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác thì tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm, có thể bị xử lý bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự.

2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.2.4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp

2.2.4.1. Hồ sơ

2.2.4.1.1. Đối với doanh nghiệp tư nhân

Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh

nghiệp. Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp tư nhân là một cá nhân. Doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân.

Chủ doanh nghiệp tư nhân là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; có toàn quyền quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Chủ doanh nghiệp tư nhân có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. Trường hợp thuê người khác làm Giám đốc quản lý doanh nghiệp, thì chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân được quy định tại Điều 20 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 21 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (*Tham khảo Phụ lục 1*).
- Bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp tư nhân.

Mẫu Giấy đề nghị đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân được Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

** Các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp lệ của chủ Doanh nghiệp tư nhân như sau:*

- Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực của công dân Việt Nam định cư tại Việt Nam.

- Đối với người Việt Nam định cư tại nước ngoài, một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:

- + Hộ chiếu Việt Nam.
- + Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có thể thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:
 - a, Giấy chứng nhận quốc tịch Việt Nam.
 - b, Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam.

c, Giấy xác nhận đăng ký công dân.

d, Giấy xác nhận gốc Việt Nam.

e, Giấy xác nhận có gốc Việt Nam.

g, Giấy xác nhận có quan hệ huyết thống Việt Nam.

h, Các giấy tờ khác theo quy định pháp luật.

- Thẻ Thường trú còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

- Hộ chiếu hợp lệ đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

** Các thông tin cần cung cấp trong Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh:*

- Tên, sắc tộc, quốc tịch, ngày sinh của chủ doanh nghiệp, số chứng minh nhân dân hoặc các chứng thực cá nhân hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp, tên cơ quan cấp chứng minh nhân dân và ngày cấp, địa chỉ thường trú, địa chỉ hiện tại, điện thoại, fax, địa chỉ giao dịch thư điện tử hoặc website nếu có.

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài hoặc tên viết tắt của doanh nghiệp nếu có.

- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, địa chỉ giao dịch thư điện tử và website nếu có.

- Ngành nghề kinh doanh theo Hệ thống phân loại ngành kinh tế quốc dân Việt Nam (VSIC).

- Vốn đầu tư ban đầu và phân loại vốn gồm tiền mặt, vàng hoặc tài sản (nêu rõ giá trị của mỗi tài sản).

- Vốn pháp định nếu ngành nghề kinh doanh đòi hỏi có vốn pháp định.

- Tên và địa chỉ chi nhánh nếu có.

- Tên và địa chỉ văn phòng đại diện nếu có.

- Tên và địa chỉ của (các) địa điểm kinh doanh nếu có.

- Chữ ký của chủ doanh nghiệp.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ xin đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân thì nộp tại Phòng Đăng ký Kinh doanh tại tỉnh, thành phố nơi dự định đặt trụ sở chính.

2.2.4.1.2. Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần và Công ty hợp danh

- *Thứ nhất*, Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào doanh nghiệp. Thành viên của công ty có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên tối thiểu là hai và tối đa không vượt quá năm mươi. Công ty trách nhiệm hữu hạn có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty trách nhiệm hữu hạn không được quyền phát hành cổ phiếu để huy động vốn.

Công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên phải có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc. Công ty trách nhiệm hữu hạn có trên mười một thành viên phải có Ban kiểm soát.

- *Thứ hai*, Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó: (i) Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; (ii) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; (iii) Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết; (iv) Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa.

Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Công ty cổ phần phải có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng Giám đốc); đối với công ty cổ phần có trên mười một cổ đông phải có Ban kiểm soát.

- *Thứ ba*, Công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó: (i) Phải có ít nhất hai thành viên hợp danh; ngoài các thành viên hợp danh, có thể có thành viên góp vốn; (i) Thành viên hợp danh phải là cá nhân, có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của

mình về các nghĩa vụ của công ty; (i) Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Công ty hợp danh không có tư cách pháp nhân và không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào để huy động vốn.

Thành viên hợp danh có quyền quản lý công ty; tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty; cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty. Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỷ lệ được quy định tại Điều lệ công ty; không được tham gia quản lý công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty. Các thành viên hợp danh có quyền ngang nhau khi quyết định các vấn đề quản lý công ty.

Về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần và công ty hợp danh đã được quy định cụ thể tại Điều 22 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

- Điều lệ công ty.

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 - Nghị định này của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a - Khoản 1 - Điều 78 - Luật Doanh nghiệp.

Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 - Nghị định này của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b - Khoản 1 - Điều 78 - Luật Doanh nghiệp năm 2014.

- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

- a) Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân;

- b) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của

chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

Mẫu Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần và Công ty hợp danh

2.2.4.1.3. Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là một hình thức đặc biệt của công ty trách nhiệm hữu hạn. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức làm chủ sở hữu; chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Chủ sở hữu công ty có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được quyền phát hành cổ phiếu.

Chủ sở hữu công ty không được trực tiếp rút một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào công ty. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn cho tổ chức hoặc cá nhân khác. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận của công ty khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được quy định tại Điều 23 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (*Tham khảo tại Phụ lục 5*).
- Điều lệ công ty.

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 - Nghị định này của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a - Khoản 1 - Điều 78 - Luật Doanh nghiệp.

Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp.

- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

a) Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân;

b) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

2.2.4.1.4. Đối với Công ty được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất và đối với Công ty sáp nhập

Điều 24 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp quy định:

“Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất và công ty nhận sáp nhập”.

1. Trường hợp chia công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 22, Điều 23 - Nghị định này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của các công ty mới thành lập phải có Nghị quyết chia công ty

theo quy định tại Điều 192 - Luật Doanh nghiệp, bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia.

2. Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 22, Điều 23 - Nghị định này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty được tách phải có Nghị quyết tách công ty theo quy định tại Điều 193 Luật Doanh nghiệp, bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách.

3. Trường hợp hợp nhất một số công ty thành một công ty mới, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 22, Điều 23 - Nghị định này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp nhất phải có thêm các giấy tờ quy định tại Điều 194 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị hợp nhất.

4. Trường hợp sáp nhập một hoặc một số công ty vào một công ty khác, ngoài giấy tờ quy định tại Chương VI - Nghị định này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập phải có thêm các giấy tờ quy định tại Điều 195 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập”.

Ví dụ như về việc chia Công ty: Công ty trách nhiệm hữu hạn và Công ty cổ phần (Công ty bị chia) có thể được chia thành một số Công ty cùng loại (Công ty được chia) hồ sơ bao gồm:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo loại hình của các công ty được chia;
- Quyết định bằng văn bản về việc chia Công ty của Công ty bị chia;

- + Của Hội đồng thành viên Công ty đối với Công ty TNHH 2 thành viên trở lên;

- + Của Đại hội đồng cổ đông đối với Công ty Cổ phần;

- Biên bản họp về việc Chia Công ty:

- + Của Hội đồng thành viên Công ty đối với Công ty TNHH 2 thành viên trở lên;

- + Của Đại hội đồng cổ đông đối với Công ty Cổ phần;

- Bản sao hợp lệ (bản sao có công chứng) Giấy chứng nhận ĐKKD của Công ty.

Ví dụ khác về việc sáp nhập Doanh nghiệp: Hai hoặc 1 số Công ty cùng loại (Công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào 1 Công ty khác (Công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị sáp nhập.

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo loại hình của Công ty nhận sáp nhập:

- Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 153 - Luật Doanh nghiệp.

- Biên bản họp về việc sáp nhập Công ty của:

- + Hội đồng thành viên Công ty đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- + Đại hội đồng cổ đông Công ty đối với Công ty Cổ phần;

- Bản sao hợp lệ (bản sao có công chứng) Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty nhận sáp nhập và Công ty bị sáp nhập.

Trường hợp sáp nhập mà theo đó Công ty nhận sáp nhập có thị phần từ 30% đến 50% thị phần liên quan thì đại diện hợp nhất của Công ty bị hợp nhất phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành hợp nhất, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác.

Cấm các trường hợp sáp nhập các công ty mà theo đó Công ty nhận sáp nhập có thị phần trên 50% trên thị trường có liên quan, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác.

2.2.4.1.5. Đối với các trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp đã được quy định cụ thể tại Điều 25 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP như sau:

- Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;

b) Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 - Luật Doanh nghiệp năm 2014;

c) Danh sách thành viên và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 - Nghị định này của các thành viên công ty đối với trường hợp thành viên là cá nhân và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức;

d) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc hợp đồng tặng cho đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho cá nhân hoặc tổ chức khác; Quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp đối với trường hợp công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác.

- Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;

b) Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;

c) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu là cá nhân hoặc bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức;

d) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a - Khoản 1 - Điều 78 - Luật Doanh nghiệp.

Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 - Nghị định này của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b - Khoản 1 - Điều 78 - Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức;

đ) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng;

e) Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc chuyển đổi loại hình công ty.

- Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;

b) Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 - Luật Doanh nghiệp;

c) Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế, thời hạn thanh toán; danh sách người lao động hiện có; danh sách các hợp đồng chưa thanh lý;

d) Danh sách thành viên theo quy định tại Điều 26 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 - Nghị định này của các thành viên công ty đối với trường hợp thành viên là cá nhân; bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng

ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức;

đ) Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;

e) Văn bản thỏa thuận với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó;

g) Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thỏa thuận giữa chủ doanh nghiệp tư nhân và các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân.

- Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại, hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;

b) Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 - Luật Doanh nghiệp;

c) Quyết định của chủ sở hữu công ty hoặc Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên hoặc của Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty;

d) Danh sách thành viên hoặc danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài và bản sao hợp lệ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 4 - Điều 22 và Khoản 4 - Điều 23 - Luật Doanh nghiệp năm 2014;

đ) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư.

- Việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp trong trường hợp nhận thừa kế được thực hiện như quy định đối với trường hợp chuyển đổi loại hình tương ứng, trong đó, hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay bằng văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp.

2.2.4.2. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

2.2.4.2.1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh

Tại Điều 27 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đã quy định cụ thể về việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ theo quy định tại Nghị định này tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi:

- a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Nghị định này;

- b) Tên doanh nghiệp đã được điền vào Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

- c) Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;

- d) Đã nộp phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

- Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sau khi được số hóa vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2.2.4.2.2. Quy trình phối hợp và cấp mã số doanh nghiệp

Tại Điều 8 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định về mã số doanh nghiệp như sau:

- Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp.

- Mã số doanh nghiệp tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác. Khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thì mã số doanh nghiệp chấm dứt hiệu lực.

- Mã số doanh nghiệp được tạo, gửi, nhận tự động bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin đăng ký thuế và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng mã số doanh nghiệp để quản lý và trao đổi thông tin về doanh nghiệp.

- Mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

- Mã số của địa điểm kinh doanh là mã số gồm 5 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

- Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do vi phạm pháp luật về thuế thì doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện không được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch kinh tế, kể từ ngày cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

- Đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện đã thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp mã số đơn vị trực thuộc, doanh nghiệp liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế 13 số, sau đó thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Đối với các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), mã số doanh nghiệp là mã số thuế do cơ quan thuế đã cấp cho doanh nghiệp.

Điều 30, Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định:

- Mã số doanh nghiệp là dãy số được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, được cấp cho doanh nghiệp khi thành lập và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có một mã số duy nhất và không được sử dụng lại để cấp cho doanh nghiệp khác.

- Mã số doanh nghiệp được dùng để thực hiện các nghĩa vụ về thuế, thủ tục hành chính và quyền, nghĩa vụ khác.

Như vậy, nếu như trong Luật Doanh nghiệp năm 2014²⁰⁰⁵ còn chưa có bất kỳ quy định nào về vấn đề mã số doanh nghiệp, vẫn còn sử dụng hình thức mã số thuế riêng biệt, thì trên cơ sở kế thừa những nội dung của Nghị định về đăng ký doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã chính thức ghi nhận vấn đề này.

Về việc phối hợp cấp mã số doanh nghiệp được quy định tại điểm a - Khoản 2 - Điều 16 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định:

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc kết nối giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin đăng ký thuế nhằm cung cấp mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, mã số địa điểm kinh doanh phục vụ đăng ký doanh nghiệp và trao đổi thông tin về doanh nghiệp.

Tại Điều 2 - Nghị định số 127/2015/TT-BTC ngày 21/8/2015 của Bộ Tài chính quy định rõ trình tự thực hiện cấp mã số doanh nghiệp tự động như sau:

“Căn cứ thông tin giao dịch điện tử về doanh nghiệp đăng ký thành lập mới do Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền sang, Hệ thống Đăng ký thuế của Tổng cục Thuế tự động thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của các thông tin liên quan trên hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Quản lý thuế.

a) Trường hợp thông tin đầy đủ, đúng quy định:

Tự động tạo mã số doanh nghiệp và thực hiện phân công cơ quan Thuế trực tiếp quản lý đối với doanh nghiệp (Cục Thuế, Chi cục Thuế) phù hợp với Nghị quyết phân cấp nguồn thu của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế.

Tự động truyền thông tin về mã số doanh nghiệp, thông tin cơ quan Thuế trực tiếp quản lý đối với doanh nghiệp sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Trường hợp thông tin không đầy đủ (thiếu các chỉ tiêu bắt buộc) hoặc không theo đúng quy định:

Tự động tạo thông báo về thông tin không đầy đủ, không đúng quy định;

Tự động truyền thông tin sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để Cơ quan Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp biết, thực hiện điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định”.

Sau khi nhận được kết quả cấp mã số doanh nghiệp và các thông tin về cơ quan Thuế trực tiếp quản lý do Cơ quan thuế truyền sang, Cơ quan Đăng ký kinh doanh thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đồng thời in Thông báo cơ quan thuế trực tiếp quản lý và trả cùng kết quả đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp biết để thực hiện các thủ tục, nghĩa vụ về thuế theo quy định.

2.2.4.2.3. Đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử

Liên thông điện tử giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đăng ký qua mạng... là những cải cách mạnh mẽ về thủ tục hành chính trong đăng ký kinh doanh đã được ban hành trong Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Để đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, tổ chức, cá nhân có thể sử dụng chữ ký số công cộng hoặc sử dụng tài khoản đăng ký kinh doanh.

Điều 37 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định “*Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng*” như sau:

- Người đại diện theo pháp luật kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử và thanh toán lệ phí qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tự

động tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 38 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định “*Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh*” như sau:

- Người đại diện theo pháp luật kê khai thông tin, tải văn bản điện tử của các giấy tờ chứng thực cá nhân tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để được cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh.

- Người đại diện theo pháp luật sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

- Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật nộp một bộ hồ sơ đăng ký doanh

nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đến Phòng Đăng ký kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật có thể nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy và Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc nộp qua đường bưu điện.

- Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.

Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.

- Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử. Trường hợp bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 - Điều 63 - Nghị định này.

Việc thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được xem là một công cụ tiện lợi, hiệu quả, góp phần giảm thiểu thời gian thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, minh bạch hóa công tác đăng ký doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc tiếp nhận và quản lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

2.2.4.2.4. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Trước đây, theo Điều 28 - Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp quy định về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là năm ngày làm việc. Hiện nay theo Điều 28 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì thời hạn cấp Giấy chứng

nhận đăng ký doanh nghiệp đã được rút ngắn xuống còn ba ngày làm việc từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên doanh nghiệp yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Đăng ký kinh doanh ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với mỗi một bộ hồ sơ do doanh nghiệp nộp trong một Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc không được thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2.2.4.2.5. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Tại Điều 29 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đã quy định việc “*Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*” như sau:

- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 - Điều 28 - Luật Doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp có thể nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký và nộp phí để nhận qua đường bưu điện.

- Các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định.

** Cần lưu ý như sau:*

- Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 29 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 và được ghi trên cơ sở thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đồng thời là Giấy đăng ký thuế của doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không phải là giấy phép kinh doanh.

- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được lưu dưới dạng dữ liệu điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại cùng thời điểm có nội dung khác so với bằng bản giấy, Giấy chứng nhận có giá trị pháp lý là Giấy chứng nhận có nội dung được ghi đúng theo nội dung trong hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp.

(Căn cứ Điều 6 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp).

2.2.4.2.6. Hiệu đính thông tin trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Tại Điều 13 - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi Giấy đề nghị hiệu đính thông tin theo mẫu quy định đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký.

Phòng Đăng ký kinh doanh nhận Giấy đề nghị, kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị của doanh nghiệp nếu thông tin trong Giấy đề nghị của doanh nghiệp là chính xác.

- Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo về việc hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu quy định đến doanh nghiệp và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo.

(Mẫu thông báo về việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tham khảo tại phụ lục 6 của Luận văn)

2.2.4.2.7. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp

Điều 31 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định về “Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp” như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin đăng ký doanh nghiệp và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đó cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan quản lý lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội. Các cơ quan sử dụng thông tin về đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh cung cấp không được yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các thông tin mà Phòng Đăng ký kinh doanh đã gửi.

- Định kỳ hàng tháng, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi danh sách kèm thông tin về các doanh nghiệp đã đăng ký trong tháng trước đó đến cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- Việc cung cấp, trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh với các cơ quan quản lý nhà nước khác thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ bằng bản giấy hoặc qua mạng điện tử.

- Các tổ chức, cá nhân có thể đề nghị để được cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp thông qua cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc trực

tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư và phải trả phí theo quy định.

2.2.4.2.8. Lệ phí đăng ký kinh doanh

Điều 32 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định về “*Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp*” như sau:

- Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp phải nộp phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp sẽ không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Phương thức thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử được hỗ trợ trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phí sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử không được tính trong phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

- Khi phát sinh lỗi giao dịch trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử, tổ chức, cá nhân thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử liên hệ với tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử để được giải quyết.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và việc sử dụng phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, phí cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp đảm bảo bù đắp một phần chi phí cho hoạt động của cơ quan đăng ký kinh doanh.

Phí và lệ phí đăng ký doanh nghiệp hiện nay được điều chỉnh bởi Thông tư số 176/2012/TT-BTC và Thông tư số 106/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính

2.2.5. Các thủ tục sau khi được cấp đăng ký doanh nghiệp

2.2.5.1. Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

Điều 32 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định “*Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*” như sau:

- Doanh nghiệp phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi về một trong những nội dung sau đây:

a) Thay đổi ngành, nghề kinh doanh;

b) Thay đổi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp đối với công ty niêm yết;

c) Thay đổi những nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi.

- Công ty phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty. Thông báo phải có nội dung sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;

b) Đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài chuyển nhượng cổ phần: tên, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông nước ngoài là tổ chức; họ, tên, quốc tịch, địa chỉ của cổ đông là cá nhân; số cổ phần, loại cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ trong công ty; số cổ phần và loại cổ phần chuyển nhượng;

c) Đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng: tên, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông nước ngoài là tổ chức; họ, tên, quốc tịch, địa chỉ của cổ đông là cá nhân; số cổ phần và loại cổ phần nhận chuyển nhượng; số cổ phần, loại cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của họ trong công ty;

d) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp từ chối bổ sung

vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gửi Thông báo đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bản án hoặc quyết định có hiệu lực thi hành. Kèm theo thông báo, phải có bản sao bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo nội dung bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp từ chối bổ sung, sửa đổi thông tin theo nội dung thông báo thay đổi đăng ký doanh nghiệp thì thông báo bằng văn bản cho người đề nghị đăng ký thay đổi biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

2.2.5.2. Lập sổ đăng ký

Ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Doanh nghiệp phải lập và lưu giữ sổ đăng ký thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) hoặc sổ đăng ký cổ đông (đối với công ty cổ phần).

** Về sổ đăng ký thành viên (theo Điều 49 - Luật Doanh nghiệp năm 2014):*

Sổ đăng ký thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức;

- Phần vốn góp, giá trị vốn đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên;

- Chữ ký của thành viên là cá nhân hoặc của người đại diện theo pháp luật của thành viên là tổ chức;

- Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên.

Sổ đăng ký thành viên được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

** Về sổ đăng ký cổ đông (theo Điều 121 - Luật Doanh nghiệp năm 2014):*

Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

- Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

- Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

- Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

2.2.5.3. Chế độ báo cáo tài chính

Trong thời hạn ba mươi ngày đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh, chín mươi ngày đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ

phần, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp phải được gửi đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2.3. Thực trạng thực thi pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở thành phố Hà Nội hiện nay

2.3.1. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh đối với đăng ký doanh nghiệp

Trình tự các bước tiến hành đăng ký kinh doanh là trình tự các bước mà chủ thể kinh doanh cũng như cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh tiến hành để xem xét hồ sơ và giải quyết việc đăng ký kinh doanh. Theo pháp luật Việt Nam, để tiến hành đăng ký kinh doanh cần trải qua ba bước:

- *Bước một*, người thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh và cơ quan đăng ký kinh doanh tiếp nhận hồ sơ đó. Để nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh các chủ thể kinh doanh có thể nộp trực tiếp một bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh bằng giấy lên phòng đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử là việc người thành lập doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thông qua cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp qua cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy. Một bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh đầy đủ phải bao gồm các loại giấy tờ như đã nêu ở phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nói trên. Sau khi người thành lập doanh nghiệp đã nộp một bộ hồ sơ hợp lệ thì Phòng đăng ký kinh doanh sẽ tiếp nhận hồ sơ đồng thời ghi vào sổ tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh của cơ quan mình và giao giấy biên nhận về việc tiếp nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

- *Bước hai*, cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét hồ sơ và ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tại Khoản 2 -Điều 27 - Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: “*Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.*”.

Như vậy theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì cơ quan đăng ký kinh doanh phải hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn ba ngày (tính cả thời hạn thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký kinh doanh). Tuy nhiên, tại Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì: *“Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên doanh nghiệp yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Đăng ký kinh doanh ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với mỗi một bộ hồ sơ do doanh nghiệp nộp trong một Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp”*. Điểm hạn chế trong quy định về trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh là pháp luật không quy định rõ được phép sửa đổi hồ sơ đăng ký kinh doanh bao nhiêu lần nên thời hạn thực tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong trường hợp này là không thể xác định trước.

Nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh được nhanh chóng ra nhập vào thị trường, vào ngày 29/7/2008 liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công an đã ban hành Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA để hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và cấp phép khắc dấu. Theo thông tư này sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định là cơ quan duy nhất tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết các thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và cấp giấy phép khắc dấu. Nếu như trước kia để bắt đầu tiến hành kinh doanh, một doanh nghiệp phải trải qua ít nhất ba thủ tục, ít nhất sáu lần đi lại giữa ba cơ quan khác nhau thì việc thông tư trên ra đời có thể xem là việc áp dụng mô hình một cửa trong thủ tục đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Bước ba*, Công bố thông tin về đăng ký doanh nghiệp. Đây là một trong những thủ tục bắt buộc được quy định tại Khoản 1, Điều 33, Luật Doanh nghiệp năm 2014. Theo đó, trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày

được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải đăng trên mạng thông tin doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc một trong các loại tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp về các nội dung chủ yếu sau:

- Tên doanh nghiệp;
- Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Ngành, nghề kinh doanh;
- Vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp và số cổ phần được quyền phát hành đối với công ty cổ phần; vốn đầu tư ban đầu đối với doanh nghiệp tư nhân; vốn pháp định đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định;
- Họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của chủ sở hữu của thành viên hoặc cổ đông sáng lập;
- Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;
- Nơi đăng ký kinh doanh.

2.3.2. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh đối với thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Sau khi doanh nghiệp đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau một thời gian hoạt động nếu có nhu cầu thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh thì phải tiến hành thủ tục thay đổi theo Điều 32 - Luật Doanh nghiệp năm 2014. So với Luật Doanh nghiệp năm 1999 và 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có nhiều điểm sửa đổi, bổ sung và quy định phù hợp hơn với thực tiễn thi hành. Theo đó, khi thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ hoặc số cổ phần được quyền chào bán, vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp, thay đổi người đại diện theo pháp luật của

doanh nghiệp và các vấn đề khác trong nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi. Trường hợp có thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, doanh nghiệp được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và phải trả phí.

2.3.3. Những hạn chế và bất cập rút ra từ thực tế và nguyên nhân của những hạn chế bất cập

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, các quy định hiện hành của pháp luật về đăng ký kinh doanh và việc thực hiện các quy định đó trên thực tế nhất là địa bàn thành phố Hà Nội vẫn còn nhiều hạn chế, vướng mắc, gây khó khăn cho các chủ thể khi tiến hành hoạt động kinh doanh cũng như ảnh hưởng không tốt tới việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Những quy định của văn bản luật còn chung chung đòi hỏi cần phải có nhiều văn bản dưới luật chi tiết hoá như Nghị định, Thông tư, các văn bản của ban ngành liên quan ... Các văn bản dưới luật này lại rải rác, tản mạn, không có hệ thống làm cho việc thực thi pháp luật gặp nhiều khó khăn. Tình trạng văn bản pháp luật thiếu đồng bộ, không nhất quán là nguyên nhân làm cho các chủ thể kinh doanh có tâm lý không tốt, luôn luôn lo sợ sự thay đổi của cơ chế, chính sách nên không dám đầu tư phát triển kinh doanh.

Sự thông thoáng của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và cơ chế "*một cửa liên thông*" đã tạo thuận lợi cho các nhà doanh nghiệp hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên cũng không ít doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng này để đăng ký thành lập không trung thực và chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các lỗi vi phạm chủ yếu là không thông báo tiến độ góp vốn đến cơ quan đăng ký kinh doanh, chưa lập sổ đăng ký thành viên và chưa cấp giấy chứng nhận phần vốn cho các thành viên góp vốn, chuyển quyền góp vốn... Một vấn đề nổi cộm khác trong hoạt động doanh nghiệp tại nhiều địa phương là vi phạm về đăng ký kinh doanh. Với số lượng đăng ký kinh doanh ngày càng

tăng như hiện nay, việc kiểm tra, giám sát, quản lý một cách có hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp dường như đang quá tải đối với ngành chức năng ở nhiều địa phương.

Sở dĩ còn tồn tại tình trạng trên là do pháp luật về đăng ký kinh doanh còn nhiều điểm chưa hợp lý. Cụ thể như sau:

** Vướng mắc từ các cơ quan đăng ký kinh doanh:*

Cơ quan đăng ký hiện nay không thể thực hiện được việc quản lý các hoạt động đăng ký kinh doanh trên địa bàn toàn quốc do các cơ quan đăng ký kinh doanh không được tổ chức thành hệ thống. Hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh còn bị phân tán về mặt tổ chức, chưa thiết lập thành một hệ thống từ trung ương xuống các địa phương. Thực tế cho thấy, ở các tỉnh đều thành lập Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Theo cách tổ chức này thì thực chất Phòng Đăng ký kinh doanh giống như một phòng ban chuyên môn thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Riêng ở cấp huyện, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp huyện chỉ được thành lập ở những nơi có số lượng lớn hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã. Các huyện khác không được thành lập riêng Phòng Đăng ký kinh doanh mà nhiệm vụ đăng ký kinh doanh được chuyển giao cho một phòng chuyên môn sẵn có.

Số lượng cán bộ đăng ký kinh doanh còn thiếu và thường xuyên phải làm việc quá tải, làm thêm giờ. Phương tiện làm việc còn thô sơ, lạc hậu (đặc biệt là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện). Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là việc chậm trễ ban hành quy định tiêu chuẩn cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh và các chức danh quản lý trong hệ thống đăng ký kinh doanh.

Các cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao. Chẳng hạn, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh mới chỉ tập trung chủ yếu vào thực hiện nghiệp vụ đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 chứ chưa làm tốt chức năng giám sát và kiểm tra doanh nghiệp theo các nội dung đăng ký kinh doanh. Bên cạnh đó, thái độ phục vụ của cán bộ làm công tác

đăng ký kinh doanh cũng là một hàng rào cản gây tốn kém thời gian và chi phí cho các doanh nghiệp. Ngay cả khâu cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vẫn xảy ra tình trạng cơ quan đăng ký kinh doanh cố tình làm trái các quy định của pháp luật, vẫn còn hiện tượng các cơ quan quản lý đưa ra những yêu cầu vô lý hoặc đòi hỏi thêm nhiều giấy tờ bổ sung. Việc từ chối cấp giấy phép đôi khi còn thiếu minh bạch, không có căn cứ pháp lý, không giải thích rõ nguyên nhân.

** Vương mắc về thủ tục đăng ký kinh doanh:*

Hiện nay khi tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh, các chủ thể kinh doanh còn gặp nhiều lúng túng khi mắc phải một số vấn đề sau:

Tên doanh nghiệp cũng là một vấn đề còn nhiều bàn cãi. Quy định về tên doanh nghiệp không được đặt trùng dễ gây nhầm lẫn với tên gọi của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có tác dụng trên thực tế. Một vấn đề khác cũng chưa được làm rõ là tên doanh nghiệp phải viết được bằng các chữ cái trong Bảng chữ cái tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu, phát âm được và cả các chữ cái E, J, Z, W. Tên doanh nghiệp sẽ bao gồm tên loại hình doanh nghiệp và tên riêng doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong khi Nghị định số 88/2006/NĐ-CP chỉ rõ rằng, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể sử dụng tên riêng bằng tiếng nước ngoài đã đăng ký để cấu thành một phần hoặc toàn bộ tên riêng của doanh nghiệp thì Nghị định số 78/2015/NĐ-CP lại không đề cập đến vấn đề này. Như vậy, không rõ là việc đặt tên riêng bằng tiếng nước ngoài vẫn không có gì thay đổi hoặc sẽ được phép áp dụng cho doanh nghiệp trong nước lẫn doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc sẽ không được phép áp dụng cho cả hai loại doanh nghiệp này. Thiết nghĩ, Chính phủ nên quy định rõ về vấn đề này, vì trên thực tế có khá nhiều người thành lập doanh nghiệp muốn đặt tên doanh nghiệp với tên riêng bằng tiếng nước ngoài.

Về trụ sở mà doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hợp tác xã đăng ký trong hồ sơ đăng ký kinh doanh trên thực tế đã bị thay đổi hoặc còn tồn tại nhưng các cơ quan quản lý lại không kiểm soát được hiện tượng này. Thực trạng này

roi vào đối tượng chủ yếu là các doanh nghiệp. Hiện tượng này là do các nguyên nhân như: chủ thể đăng ký không khai trung thực về trụ sở giao dịch; doanh nghiệp đã đổi trụ sở nhưng không thông báo; doanh nghiệp tự giải thể mà không làm thủ tục giải thể vì ngại phức tạp và tốn kém; địa chỉ doanh nghiệp thay đổi do quy hoạch đô thị làm biến dạng ... Hàng ngày, rất nhiều phương tiện thông tin đại chúng đưa bài về các “doanh nghiệp ma”, nguyên nhân của tình trạng này cũng là do thủ tục thành lập doanh nghiệp chưa chặt chẽ.

** Vương mắc về điều kiện đăng ký kinh doanh:*

Quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở một số địa phương vẫn trái với Luật Doanh nghiệp năm 2014 là cho việc đăng ký kinh doanh của các chủ thể còn phụ thuộc nhiều vào ý chí chủ quan của một số lãnh đạo địa phương. Trường hợp các ngành nghề kinh doanh không có trong danh mục ngành nghề kinh tế quốc dân là tương đối phổ biến. Đối với các ngành nghề kinh doanh yêu cầu phải có vốn pháp định còn chưa có hướng dẫn cụ thể về: cơ quan có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định, hồ sơ, trình tự, thủ tục xác nhận vốn pháp định hay trách nhiệm của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước trong việc tuân thủ thực hiện các quy định về vốn pháp định.

Trong quy định về chủ thể kinh doanh, vẫn chưa có một công cụ hiệu quả để kiểm tra nhân thân của người đăng ký kinh doanh. Do vậy, chưa ngăn chặn được triệt để các cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng cấm đăng ký kinh doanh, vẫn có tình trạng một số cán bộ công an nhân dân, quân đội nhân dân hay cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước (thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp) vẫn trực tiếp hoặc gián tiếp đăng ký kinh doanh và tiến hành hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh những nhược điểm đã nêu ở phần trên, pháp luật về đăng ký kinh doanh còn tồn tại hạn chế khi có quá nhiều văn bản pháp luật khác điều chỉnh vấn đề này. Ngoài Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, pháp luật về đăng ký kinh doanh còn được quy định tại Hiến pháp, Luật Đầu tư, Bộ luật Dân sự, Luật Hợp tác xã ... Đồng thời các văn bản

này còn có nhiều điểm mâu thuẫn, chồng chéo, khiến cho những người muốn tiến hành đăng ký kinh doanh gặp nhiều lúng túng.

Chính những nhược điểm tồn tại trong pháp luật về đăng ký kinh doanh nói trên đã dẫn đến việc thực hiện pháp luật còn chưa đồng nhất, chồng chéo, chưa thực sự tạo ra một môi trường bình đẳng cho các nhà đầu tư. Từ đó hình thành tội phạm ẩn về lĩnh vực kinh doanh.

Vì vậy, thành phố Hà Nội đã ban hành Chỉ thị, Quyết định, các văn bản mang tính đặc thù riêng để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình cấp và đăng ký doanh nghiệp cũng như trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm đúng pháp luật, đảm bảo an toàn, an ninh và trật tự xã hội.

Tiểu kết Chương 2

Từ các kết quả nghiên cứu của Chương 2 đã cho phép Luận văn đi đến các kết luận sau:

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá các quy định Pháp luật hiện hành về doanh nghiệp ở Việt Nam đang bộc lộ nhiều hạn chế cần được nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn kinh doanh. Pháp luật hiện hành dựa trên tiêu chí chủ yếu là tính chất sở hữu và thành phần kinh tế của các doanh nghiệp để xác định loại hình doanh nghiệp và trên cơ sở đó đặt ra những quy định khác nhau cho các loại doanh nghiệp. Từ đó tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế và hình thức sở hữu khác trong tổ chức vận hành doanh nghiệp. Mặt khác, nội dung của các quy định hiện hành về từng loại hình doanh nghiệp cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm, bất cập, đã và đang cản trở việc tổ chức vận hành doanh nghiệp hiệu quả của các nhà đầu tư.

- Từ thực tiễn về đăng ký kinh doanh và áp dụng pháp luật của cơ quan đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội vẫn còn một số tồn tại cần giải quyết: Nghiệp vụ đăng ký kinh doanh mới chỉ được thực hiện tốt ở địa phương, song chưa thiết lập được cơ chế cũng như biện pháp kỹ thuật để xử lý nghiệp vụ đăng ký kinh doanh trên phạm vi toàn quốc; một số quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh chưa dự liệu hết các tình huống phát sinh trong thực tế, do đó việc thực thi pháp luật còn nhiều lúng túng dẫn đến thực thi các quy định thiếu nhất quán, thậm chí cảm tính trong thời gian qua; quy định chưa đủ rõ và cụ thể một số chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đăng ký kinh doanh với các cơ quan quản lý nhà nước khác, thiếu động lực vận hành và buộc trách nhiệm; một số các quy định hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp của chính quyền địa phương thành phố Hà Nội còn bất cập tạo cơ chế “xin - cho”, đặc biệt trong các ngành nghề kinh doanh được cho là “nhạy cảm”.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH

3.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh ở thành phố Hà Nội

Các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh là chế định có liên quan chặt chẽ với các chế định khác trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó phương hướng hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh luôn phải đặt trong sự hoàn thiện chung của các chế định khác. Có như vậy mới tạo sự thống nhất, nhất quán và dễ dàng thực thi trên thực tế đối với hệ thống pháp luật về đăng ký kinh doanh.

Trên cơ sở nguyên tắc như vậy, tôi đề xuất định hướng hoàn thiện một số nội dung của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong có các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh:

Một là, hoàn thiện Luật Doanh nghiệp năm 2014 theo định hướng theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, cụ thể:

- Bãi bỏ quy định về việc ghi ngành, nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bãi bỏ yêu cầu liên quan đến các điều kiện kinh doanh tại thời điểm thành lập doanh nghiệp.

- Cho phép doanh nghiệp được tự do tổ chức lại, không phụ thuộc vào loại hình hoạt động.

- Liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh với thủ tục đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội, khắc dấu. Việc liên thông các thủ tục này dự kiến sẽ giảm được 50% số thủ tục và thời gian khởi sự doanh nghiệp (còn 5 thủ tục và 16 ngày). Nếu cải cách này được thực hiện, chỉ số khởi sự kinh doanh của Việt

nam sẽ tăng khoảng 50 bậc trong bảng xếp hạng của WB, đứng ở vị trí khoảng 60/189 quốc gia.

- Đơn giản hóa quy trình, thủ tục giải thể doanh nghiệp.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực của cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh theo hướng:

- Xây dựng cơ chế cấp Mã số doanh nghiệp tự động để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;

- Nghiên cứu, hoàn thiện các ứng dụng, dịch vụ trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp đặc thù thực hiện đăng ký thông qua Hệ thống.

- Tăng cường các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp sử dụng phương thức đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử;

- Tăng cường công tác giám sát, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức công vụ của cán bộ đăng ký kinh doanh.

Ba là, đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế và thông tin truyền thông trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh để tiếp tục học hỏi kinh nghiệm tiến tiến của quốc tế và mở rộng các hình thức trao đổi thông tin hải chiều giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

3.2.1. Hoàn thiện các quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh

Sau 05 tháng (kể từ tháng 7/2015) đến nay đã có 41.785 doanh nghiệp đăng ký mới, với số vốn là 270.000 tỷ đồng (chưa kể đăng ký của các doanh nghiệp FDI). Như vậy, đến cuối năm 2015 dự kiến sẽ có 94.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới. Tổng số doanh nghiệp đăng ký thay đổi trong cùng giai đoạn là 134.570 hồ sơ, tăng 151% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó đáng chú ý có hơn 1/3 doanh nghiệp là tăng vốn điều lệ. “Đây là một tín hiệu đáng mừng, thể hiện sự cởi mở của đạo luật này đối với cộng đồng doanh nghiệp, nhất là khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính triển khai cấp mã số doanh nghiệp tự động nhằm đảm bảo thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 03 ngày làm việc theo quy định tại Luật

Doanh nghiệp năm 2014 và thời gian cấp đăng ký thành lập mới trung bình của cả nước là 2, 9 ngày, thời gian cấp đăng ký thay đổi trung bình chỉ là 2,47 ngày, thấp hơn 2 ngày so với thời điểm trước khi có Luật Doanh nghiệp năm 2014”. Qua số liệu trên cho thấy thời gian cấp đăng ký doanh nghiệp đã giảm xuống còn 03 ngày theo quy định tại Luật, trong khi số lượng doanh nghiệp lại tăng lên đáng kể trong tháng 7/2015.

Bên cạnh đó, một số quy định mới như thông báo mẫu dấu cũng làm khối lượng công việc tăng cao, trong khi số lượng cán bộ ĐKKD không thay đổi vì vậy hoạt động đăng ký kinh doanh và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước đặt ra cần phải nghiên cứu xây dựng một cơ quan đăng ký kinh doanh thống nhất trên toàn quốc được trang bị bằng hệ thống thông tin máy tính hiện đại, bộ phận nhân sự có trình độ và ý thức pháp luật.

Tổ chức cơ quan đăng ký kinh doanh có khoa học, thống nhất trên phạm vi toàn quốc là nơi cung cấp những cơ sở dữ liệu chính xác, đầy đủ để Nhà nước hoạch định chính sách kinh tế có hiệu quả. Mô hình đăng ký kinh doanh tổ chức bởi một cơ quan là một sự lựa chọn phù hợp với điều kiện Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Những quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh cần phải được xây dựng trên cơ sở quy định rõ ràng về tổ chức bộ máy, thẩm quyền, trách nhiệm cũng như biện pháp xử lý những vi phạm của Trưởng phòng, của chuyên viên Phòng Đăng ký Kinh doanh.

Về trình độ chuyên môn: Cần đào tạo cán bộ có trình độ chuyên môn cao hơn bằng việc thường xuyên cử cán bộ đi tham gia các lớp tập huấn, rút kinh nghiệm về chuyên môn. Cần tổ chức nhiều hơn các buổi tọa đàm, hội thảo có sự tham gia của các chuyên gia pháp lý với các cán bộ làm đăng ký kinh doanh để giúp họ tháo gỡ những vướng mắc trọng quá trình áp dụng quy chế đăng ký kinh doanh. Ngoài việc nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức, còn phải chú ý rèn luyện phẩm chất của cán bộ đăng ký kinh doanh. Cần tuyển chọn những người làm công tác đăng ký kinh doanh có chuyên môn giỏi, nắm vững các quy định của pháp luật, phẩm chất chính trị

vững vàng, có lương tâm nghề nghiệp để đào tạo chuyên môn. Ngoài ra cũng nên có chế độ đãi ngộ cao với những cán bộ đăng ký kinh doanh để họ yên tâm công tác và hạn chế tiêu cực. Cũng cần có những biện pháp kỷ luật nghiêm khắc đối với cán bộ đăng ký kinh doanh vi phạm pháp luật.

Về cơ sở vật chất: Cần dành chi phí thỏa đáng để trang thiết bị hệ thống máy tính cho các cơ quan đăng ký kinh doanh. Xây dựng cơ chế cấp Mã số doanh nghiệp tự động để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;

+ Nghiên cứu, hoàn thiện các ứng dụng, dịch vụ trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp đặc thù thực hiện đăng ký thông qua Hệ thống.

+ Tăng cường các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp sử dụng phương thức đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử;

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về cơ quan đăng ký kinh doanh là vấn đề quan trọng để nâng cao năng lực hoạt động của cơ quan này. Đồng thời giúp cho Doanh nghiệp nhanh chóng có cơ hội tham gia hoạt động kinh doanh trên thị trường, tăng khả năng cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Bên cạnh đó, pháp luật cần phải quy định rõ ràng hơn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh với các cơ quan nhà nước khác trong việc đăng ký kinh doanh cũng như trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các chủ thể sau khi đăng ký. Đồng thời cần có sự phân tách về thẩm quyền đăng ký kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh nên là nơi duy nhất có thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh nên là nơi duy nhất có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Để có sự phân tách về thẩm quyền này đòi hỏi phải sửa rất nhiều luật chuyên ngành như: Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm ... Nếu có sự phân chia rõ ràng về thẩm quyền thì sẽ tránh được sự chồng chéo.

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về cơ quan đăng ký kinh doanh là vấn đề quan trọng để nâng cao năng lực hoạt động của cơ quan này.

Đồng thời giúp doanh nghiệp nhanh chóng có cơ hội tham gia hoạt động kinh doanh trên thương trường, tăng khả năng cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

Luật Doanh nghiệp năm 2014 được coi là đạo luật có nhiều điểm sáng, thể hiện ý chí quyết tâm cải cách, giúp môi trường kinh doanh ở nước ta ngày càng minh bạch, thuận lợi, là động lực thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp; tuy nhiên, có không ít nội dung mà Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ban hành về đăng ký kinh doanh vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng, cụ thể:

Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định: “trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, phòng đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp”. Đây là một quy định còn mang tính tùy nghi nên sẽ gây ra việc áp dụng không thống nhất, khó khăn cho doanh nghiệp, như: Khi thực hiện thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bên cạnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp in trên nền vàng truyền thống (Giấy vàng) ghi nhận các thông tin theo Điều 29 - Luật Doanh nghiệp năm 2014, doanh nghiệp còn được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp thêm giấy xác nhận về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp được in trên giấy trắng (Giấy trắng) để ghi nhận các nội dung còn lại không có trên giấy vàng, như ngành nghề kinh doanh, thông tin cổ đông. Khi thay đổi các nội dung ghi trên Giấy trắng, doanh nghiệp phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và được cấp một Giấy trắng mới. Cứ như vậy, doanh nghiệp có một Giấy vàng nhưng có thể có đến “n” giấy trắng phải lưu trữ. Điều này không những không phản ánh đúng tinh thần của Luật Doanh nghiệp năm 2014 về cải cách hành chính, giảm gánh nặng về thủ tục hành chính cho doanh nghiệp mà còn làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp trong việc lưu giữ giấy trắng và sao lưu. Đây là chưa kể dù doanh nghiệp không yêu cầu, một số cơ quan đăng ký kinh doanh vẫn tự động cấp Giấy trắng nhằm gỡ khó cho doanh nghiệp. Như vậy, việc này đã quay lại thực tiễn về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trước đây nhưng lại có

thêm nhiều thủ tục hành chính và giấy tờ hơn cho cả doanh nghiệp và Nhà nước. Thực tiễn này đã làm cho hoạt động kinh doanh trở nên khó khăn hơn về thủ tục hành chính và thiếu an toàn về mặt pháp lý.

Bên cạnh đó, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, trước khi sử dụng con dấu, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Điều này có nghĩa, thông báo mẫu dấu là một nghĩa vụ hành chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP lại quy định khi thông báo mẫu dấu phải thông báo “thời điểm có hiệu lực của mẫu dấu”. Rõ ràng, quy định này vừa không đúng với Luật Doanh nghiệp năm 2014 và không đúng với mục tiêu tạo tính tự chủ cho doanh nghiệp về con dấu. Ngoài ra, Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 loại bỏ các loại hình doanh nghiệp được thành lập theo các luật: Công chứng, luật sư, giám định tư pháp, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, hợp tác xã, trong khi Luật Doanh nghiệp năm 2014 không có hạn chế này. Những vấn đề này cho thấy: Các Nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có những điểm trái Luật Doanh nghiệp. Đây không phải là những quy định mang tính hướng dẫn chi tiết mà là những quy định thay đổi nội dung, phạm vi áp dụng của Luật Doanh nghiệp. Do đó, rất cần thiết phải xem xét lại các vấn đề này trước khi việc áp dụng trở nên phổ biến và tạo thành nếp nghĩ thì hệ lụy sẽ khôn lường.

Ngoài ra, sự trở lại của mã ngành cũng rất đáng ngại. Theo tinh thần của Luật Doanh nghiệp năm 2014 sẽ không yêu cầu doanh nghiệp phải đăng ký ngành nghề với mã ngành nghề, song Nghị định số 78/2015/NĐ-CP lại tiếp tục yêu cầu doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh. Việc này cùng với thực tiễn “Giấy trắng và Giấy vàng” nêu trên cho thấy Luật Doanh nghiệp năm 2014 không những không có tiến bộ nào về cải cách đăng ký kinh doanh mà còn cho thấy sự rối rắm trong thực thi, gây tốn kém cho cả Nhà nước và doanh nghiệp.

3.2.3. Hoàn thiện các quy định về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong hoạt động đăng ký kinh doanh

Nhà nước cần có những hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan đến thẩm quyền xử lý vi phạm của các cơ quan đăng ký kinh doanh như: hồ sơ xử lý vi phạm các quy định về đăng ký kinh doanh; thẩm quyền xử lý vi phạm bao gồm những chức danh cụ thể nào ...

Cần xử phạt nghiêm khắc những cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh khi họ vi phạm những quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh. Hiện nay, các văn bản hướng dẫn xử lý vi phạm các quy định liên quan đến đăng ký kinh doanh đều quy định hình thức phạt tiền. Song hình thức xử phạt tiền lại chỉ áp dụng đối với các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật về đăng ký kinh doanh là doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoặc hợp tác xã. Còn cán bộ, công chức khi vi phạm pháp luật về đăng ký kinh doanh lại không áp dụng chế tài vật chất điều này là bất hợp lý, thể hiện sự không bình đẳng, không công bằng giữa các đối tượng bị xử lý cho cùng một hành vi vi phạm.

Tiểu kết chương 3

Pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh là một chế định hết sức quan trọng, thể hiện tư duy pháp lý và năng lực quản lý của các cơ quan có thẩm quyền. Do đó cần phải nghiên cứu, hoàn thiện theo hướng đơn giản, khoa học và thống nhất nhưng vẫn phải đảm bảo tính kiểm soát của Nhà nước.

Muốn đạt được điều đó, bên cạnh việc khẩn trương sửa đổi các văn bản luật về lĩnh vực này trên bình diện chung từ trung ương, còn cần phải có sự vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị ở các địa phương để đánh giá, nhìn nhận đúng vị trí, vai trò các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh nhằm vận dụng linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đảm bảo các doanh nghiệp đều được đăng ký với một quy trình thống nhất, xóa bỏ sự phân biệt đối xử về thủ tục hành chính. Nâng cao chất lượng công tác đăng ký kinh doanh tại địa phương để đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp có thể tiếp cận được các dịch vụ công một cách thuận lợi.

Từ những phương hướng trên, luận văn đề xuất các giải pháp cấp bách nhằm hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động đăng ký doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung và trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế nước ta đã và đang phát triển mạnh mẽ cho nên đòi hỏi phải có những quy định chặt chẽ và có sự quản lý của nhà nước để cho nền kinh tế phát triển đúng hướng. Trước tính hình đất nước đang mở cửa, nền kinh tế đang trên đà phát triển đòi hỏi phải có luật quy định rõ ràng và cụ thể điều chỉnh các mối quan hệ trong hoạt động kinh doanh. Luật Doanh nghiệp năm 2014 Thật sự là một bước tiến bộ quan trọng nó ra đời trên cơ sở kế thừa những điểm tích cực của Luật cũ đồng thời hạn chế tối đa những mặt còn tiêu cực, và cũng tạo điều kiện, thôi thúc đầu tư vào Việt Nam.

Chúng ta nên tiếp tục đổi mới theo hướng đơn giản hóa từ cơ chế xin cho sang cơ chế đăng ký theo hướng này cần triệt để thực hiện đổi mới cả luật, các văn bản hướng dẫn. Bãi bỏ các giấy phép con trái với luật doanh nghiệp.

Cơ quan quản lý phải thật sự tạo điều kiện dễ dàng để doanh nghiệp đăng ký và hoạt động, chuyển trọng tâm từ chế độ tiền kiểm sang việc theo dõi, kiểm tra sự hoạt động của doanh nghiệp sau khi đã đi vào hoạt động.

Lựa chọn nghiên cứu vấn đề “TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2014 TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI”, tác giả muốn được trình bày những vấn đề về lý luận và thực tiễn của hoạt động đăng ký kinh doanh tại thành phố Hà Nội để qua đó có thể hiểu rõ hơn về bản chất những yêu cầu, quy định trong khâu quản lý đăng ký kinh doanh của cơ quan nhà nước, từ đó rút ngắn”khoảng cách”giữa doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh, tạo cho doanh nghiệp nắm bắt được các thủ tục đăng ký kinh doanh khi thực hiện đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước. Cuối cùng luận văn đưa ra một số phương hướng và giải pháp để hoàn thiện hơn pháp luật về đăng ký kinh doanh và để hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn trong thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết tình hình đăng ký kinh doanh của Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hà Nội các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015.
2. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Hà Nội
3. Bộ Luật Dân sự
4. Bộ luật Hình sự
5. Lê Thị Ngọc Hải (Đại học khoa học, Đại học Huế) hoàn thiện pháp luật về cơ quan đăng ký kinh doanh và giải pháp nâng cao năng lực hoạt động
6. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (được sửa đổi bổ sung năm 2013)
7. Dương Đăng Huệ, Nguyễn Lê Trung (2004) “Vấn đề kiện toàn hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh nước ta hiện nay”, Nhà nước và pháp luật(01)
8. Luật Công ty
9. Luật Doanh nghiệp năm 1999 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp
10. Luật Doanh nghiệp năm 2005
11. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 năm 2014
12. Luật Đầu tư
13. Nghị định số 87/2002/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã
14. Nghị định số 88/2006/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký kinh doanh
15. Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký kinh doanh
16. Nghị định số 102/2010/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 20142005
17. Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

18. Nghị định số 96/2015/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2014
19. Thông tư liên tịch số 05/2008/BKH-BTC-BCA hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo luật Doanh nghiệp
20. Thông tư số 176/2012/TT-BTC, ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp
21. Từ điển thuật ngữ kinh doanh (Dictionary of business terms - tiếng Anh) năm 1987 do Jack P.Friedman chủ biên
22. Từ điển bách khoa Việt Nam tập 1(1995), Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội
23. Trang Web: dangkykinhdoanh.gov.vn